

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Quảng Trị**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị - lớp 8;

Căn cứ Công văn số 77/UBND-KGVX ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương Lớp 8 và Lớp 11 tỉnh Quảng Trị sau khi chỉnh sửa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

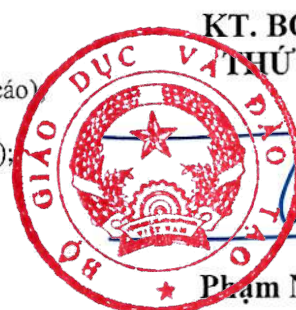
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Phạm Ngọc Thương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu Giáo dục địa phương
TỈNH QUẢNG TRỊ

Lớp

8



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MAI HUY PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN THUẤN (đồng Chủ biên)
VĂN ẨM - HUỲNH CHÍ DANH - LÊ ANH ĐỨC - NGUYỄN VĂN HÙNG - NGÔ DUY HƯNG
NGUYỄN THÁI HOÀNG - LÊ THỊ LAN - NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN QUANG
LÊ VĂN THĂNG - HỒ THỊ TỐ TRINH - ĐỖ MẠNH TÔN - NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tài liệu Giáo dục địa phương
TỈNH QUẢNG TRỊ



SÁCH MẪU

Mai Huy Phương

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



MỞ ĐẦU

Mở đầu bài học là một số hình ảnh, thông tin, câu hỏi liên quan đến nội dung bài học (Từ thực tế đời sống, sản xuất, hoặc từ các ảnh chụp có tính thực tiễn cao...) nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú cho học sinh vào bài học.



KIẾN THỨC MỚI

Đây là phần nội dung chính, bao gồm kênh hình, kênh chữ. Thông qua các hoạt động học tập ở phần này, học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới, phát triển năng lực, phẩm chất.



LUYỆN TẬP

Bao gồm các câu hỏi, bài tập, bài tập thực hành giúp học sinh củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng.



VẬN DỤNG

Bao gồm các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Quảng Trị là vùng đất có bề dày lịch sử, truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, mảnh đất này là chiến trường ác liệt, chịu nhiều đau thương, mất mát, hi sinh,... nhưng với truyền thống anh dũng, kiên cường, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Trị đã lập nên kì tích, cùng với cả nước làm nên thắng lợi vẻ vang, ghi dấu ấn vào lịch sử dân tộc.

Nối tiếp truyền thống yêu nước và cách mạng, trong quá trình xây dựng, phát triển và hội nhập quốc tế, cùng với cả nước, Quảng Trị đã từng bước chuyển mình, đạt nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá,...

Để giúp các em hiểu hơn về quê hương của mình, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tổ chức biên soạn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị – Lớp 8* gồm 8 chủ đề. Mỗi chủ đề, ngoài việc cung cấp kiến thức, giáo viên sẽ tổ chức các hoạt động học tập, trải nghiệm phong phú như: tham quan, học tập, xử lí tình huống, kĩ năng ra quyết định,... Qua đó, góp phần giúp các em có nhận thức, thái độ và cách ứng xử phù hợp với bản thân, gia đình và quê hương mình.

Mong rằng, *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Trị – Lớp 8* sẽ mang đến cho các em những kiến thức bổ ích và giúp các em hoàn thành tốt nội dung giáo dục địa phương lớp 8 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	TRANG
1	Đặc điểm dân cư, lao động tỉnh Quảng Trị	5
2	Quảng Trị từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1918	11
3	Phong tục, tập quán sinh hoạt của người Quảng Trị	20
4	Từ địa phương Quảng Trị	27
5	Quảng Trị với công tác phòng tránh tai nạn bom mìn	32
6	Bảo tồn, phát triển nghề và làng truyền thống ở tỉnh Quảng Trị	40
7	Học sinh Quảng Trị với việc phòng, chống tệ nạn ma túy	49
8	Ô nhiễm môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Trị	58

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm dân cư Quảng Trị.
- Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số Quảng Trị, liên hệ một số vấn đề dân số ở địa phương.
- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động, mối quan hệ giữa dân số và lao động.
- Trình bày được vấn đề lao động, việc làm ở Quảng Trị.
- Liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm.



MỞ ĐẦU

Quảng Trị là một tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, có vị trí địa chính trị – kinh tế quan trọng, nơi điểm đầu của hành lang kinh tế Đông – Tây về phía Việt Nam; nằm trên các trục giao thông quan trọng của quốc gia cả về đường bộ, đường sắt và đường biển. Dân số là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Trị. Vậy dân cư của địa phương có đặc điểm gì? Cơ cấu và chất lượng nguồn lao động hiện nay như thế nào? Các giải pháp nào đã được tỉnh Quảng Trị thực hiện để giải quyết vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm của địa phương?



KIẾN THỨC MỚI

I. DÂN CƯ

1. Dân số và gia tăng dân số

Quảng Trị thuộc nhóm các tỉnh có dân số thấp. Năm 2020, số dân toàn tỉnh khoảng 638 627 người, xếp thứ 13/14 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, xếp thứ 56/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có ba cộng đồng dân tộc đang cùng nhau sinh sống, gồm: người Kinh (chiếm 86% dân số toàn tỉnh), người Bru – Vân Kiều và người Pa Cô – Tà-ôi (chiếm 14%, sinh sống tập trung ở hai huyện miền núi Đakrông và Hướng Hoá).

Giai đoạn 2010 – 2020, tỉ lệ gia tăng dân số trung bình hằng năm của tỉnh đạt khoảng 0,6% và thay đổi qua các năm. Nhờ kết quả của việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình nên tốc độ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn này chậm. Tỉ suất xuất cư cao hơn tỉ suất nhập cư do số người tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục đào tạo và tìm kiếm việc làm ra ngoại tỉnh cũng như xuất khẩu lao động tăng.

Cơ cấu dân số trẻ và đang có xu hướng già hoá. Tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động vẫn được duy trì ổn định trên 50%. Đây là nguồn nhân lực quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hình 1.1. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 – 2020

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị, năm 2021)

Dựa vào thông tin mục 1 và hình 1.1, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân số của tỉnh Quảng Trị.
- Nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 – 2020.

2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

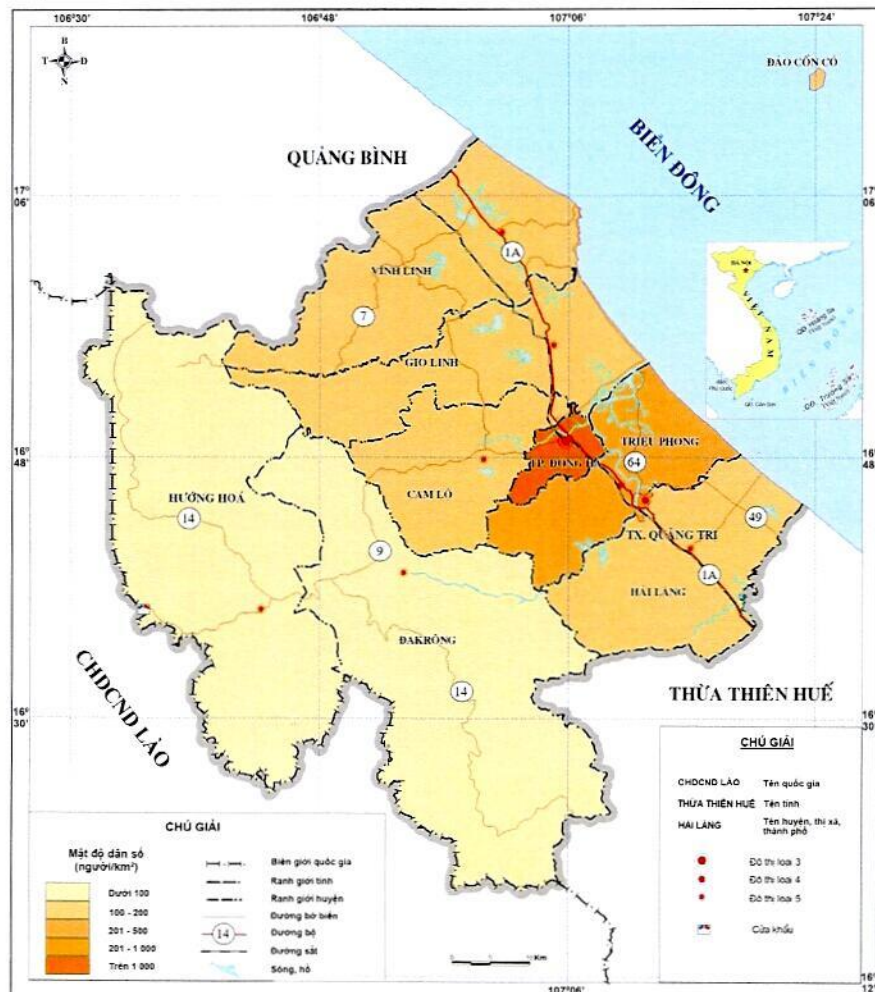
a) Phân bố dân cư

Dân cư tỉnh Quảng Trị phân bố không đồng đều, có sự chênh lệch giữa vùng đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn. Mật độ dân số năm 2020 của tỉnh là 136 người/km², thấp hơn 2,1 lần so với mật độ dân số cả nước (290 người/km²). Trong đó, thành phố Đông Hà có mật độ dân số cao nhất với 1 348 người/km², huyện Đakrông có mật độ dân số thấp nhất, chỉ 38 người/km².



Hình 1.2. Toàn cảnh thành phố Đông Hà

Dân cư chủ yếu tập trung nhiều ở khu vực đồng bằng, ven biển và các đô thị, nơi có điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội thuận lợi. Ở các vùng miền núi và đảo Côn Cỏ, do điều kiện địa hình chia cắt nên dân cư phân bố thưa thớt.



Hình 1.3. Lược đồ phân bố dân cư tỉnh Quảng Trị năm 2020

Sự phân bố dân cư không đồng đều giữa các vùng gây ảnh hưởng lớn đến quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, đến việc xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, điện, nước, thủy lợi, trường học, trạm y tế để phục vụ sản xuất và dân sinh và phân công lao động và việc làm của tỉnh Quảng Trị.

Dựa vào thông tin mục 2 và các hình 1.2, 1.3, hãy:

- Trình bày sự phân bố dân cư ở tỉnh Quảng Trị.
- Nêu tác động của sự phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Trị.

b) Các loại hình quần cư

Quảng Trị có hai loại hình quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư thành thị.

Loại hình quần cư nông thôn xuất hiện từ xa xưa và phân tán theo không gian, hoạt động kinh tế chủ yếu là nông, lâm, thủy sản. Dân cư nông thôn phân bố theo dạng chuỗi, tập trung dọc theo các tuyến đường giao thông chính.

Loại hình quần cư thành thị thường phân bố tập trung trên hành lang kinh tế Bắc – Nam (gắn với tuyến Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và tuyến đường ven biển) và hành lang kinh tế Đông – Tây (dọc tuyến đường 9), hoạt động kinh tế chủ yếu là phi nông nghiệp.

Tính đến năm 2020, tỉnh Quảng Trị có 1 thành phố (thành phố Đông Hà), 1 thị xã (thị xã Quảng Trị) và 8 huyện (Vĩnh Linh, Hướng Hoá, Gio Linh, Đakrông, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Cồn Cỏ).

Dựa vào thông tin mục b, trình bày các loại hình quần cư ở tỉnh Quảng Trị.

II. NGUỒN LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm nguồn lao động

Năm 2020, số dân hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế của tỉnh Quảng Trị là 348 114 người, chiếm 54,5% tổng số dân toàn tỉnh. Với mức tăng nguồn lao động như hiện nay, mỗi năm Quảng Trị có thêm khoảng 60 000 lao động.

Người Quảng Trị cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất phong phú, nhất là trong nông nghiệp, gắn với truyền thống địa phương được tích lũy, truyền lại qua nhiều thế hệ (đặc biệt là trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...).

Chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao nhờ những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế. Tuy nhiên, so với yêu cầu hiện nay, lực lượng lao động có trình độ cao vẫn còn ít. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo vẫn ở mức thấp, chỉ chiếm khoảng 25% lực lượng lao động toàn tỉnh.

Dựa vào thông tin mục 1, trình bày đặc điểm nguồn lao động của tỉnh Quảng Trị.

2. Cơ cấu lao động

a) Cơ cấu lao động giữa thành thị và nông thôn

Bảng 1. Cơ cấu lao động phân theo khu vực thành thị và nông thôn của tỉnh Quảng Trị năm 2010 và 2020

(Đơn vị: %)

Khu vực \ Năm	2010	2020
Thành thị	24,1	31,0
Nông thôn	75,9	69,0

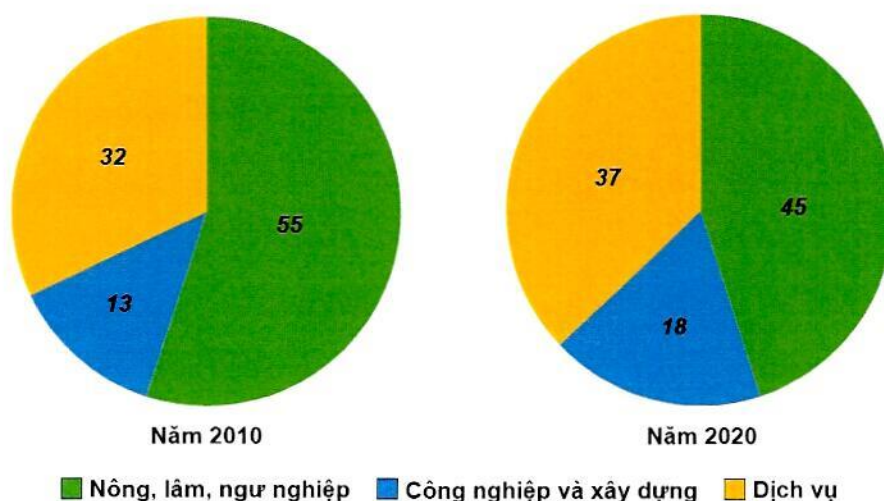
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị, năm 2021)

Lực lượng lao động giữa thành thị và nông thôn của tỉnh Quảng Trị không đồng đều. Ở vùng nông thôn, tuy có lợi thế về đất đai, cây trồng và nguồn lao động tại chỗ nhưng giá trị thu nhập không cao nên lực lượng lao động di chuyển lên thành thị, tập trung vào các khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

Dựa vào thông tin mục a, nêu nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động giữa thành thị và nông thôn của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 – 2020.

b) Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng tích cực.



Hình 1.4. Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của tỉnh Quảng Trị năm 2010 và 2020 (%)

Dựa vào thông tin mục b và hình 1.4, nêu nhận xét về sự thay đổi cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 – 2020.

III. VẤN ĐỀ VIỆC LÀM

1. Vấn đề việc làm

Việc làm là một vấn đề kinh tế – xã hội lớn của tỉnh Quảng Trị hiện nay. Sự đa dạng các thành phần kinh tế, các ngành sản xuất, dịch vụ đã tạo ra khoảng 60 nghìn việc làm mới mỗi năm. Tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm hiện nay vẫn còn gay gắt. Năm 2020, tỉ lệ thất nghiệp trung bình toàn tỉnh là 3,9% (cao hơn trung bình của cả nước là 2,5%), tỉ lệ thiếu việc làm là 4,8%.

Giải quyết việc làm cho người lao động có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã có nhiều giải pháp giải quyết việc làm theo các hướng:

- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
- Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản.
- Thực hiện đa dạng hoá các hoạt động sản xuất, chú ý phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ.
- Tăng cường chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm cho người lao động.
- Tăng cường hợp tác liên kết để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài.
- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, có chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên; tư vấn, cung cấp thông tin về thị trường lao động.

Dựa vào thông tin mục 1, hãy:

- Trình bày vấn đề việc làm hiện nay ở tỉnh Quảng Trị.
- Nêu các giải pháp mà tỉnh đã thực hiện để giải quyết tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm.

2. Mối quan hệ giữa dân số, lao động và việc làm

Dân số tác động trực tiếp đến nguồn lao động và giải quyết việc làm. Tỉnh Quảng Trị có cơ cấu dân số trẻ nên có nguồn lao động dồi dào. Tuy nhiên, do tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm nên vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn khoảng 3%, do thị trường lao động thành thị đòi hỏi chất lượng lao động cao hơn; một số ngành nghề đào tạo không phù hợp với yêu cầu của thị trường; phần lớn lao động thất nghiệp ở thành thị tập trung vào nhóm sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường, đang chờ cơ hội việc làm. Trong khi đó, ở khu vực nông thôn, lao động chủ yếu hoạt động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, năng suất thấp, thu nhập thấp, mang tính thời vụ.

Giải quyết việc làm cho người lao động có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần giảm tình trạng nghèo đói, nâng cao chất lượng sống của người dân, hướng tới thực hiện mục tiêu về phát triển bền vững.

Dựa vào thông tin mục 2, phân tích mối quan hệ giữa dân số, lao động và việc làm ở tỉnh Quảng Trị.



LUYỆN TẬP

1. Tại sao dân cư tỉnh Quảng Trị lại tập trung đông đúc ở thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị?
2. Địa phương nơi em đang sinh sống thuộc loại hình quần cư gì? Hãy mô tả đặc điểm của loại hình quần cư đó.



VẬN DỤNG

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Thu thập thêm thông tin, kết hợp với kiến thức đã học, lựa chọn và viết một báo cáo ngắn về tình hình lao động, việc làm hoặc chất lượng cuộc sống dân cư ở địa phương nơi em đang sinh sống.
2. Thực hiện dự án học tập: Tìm hiểu thông tin, sưu tầm hình ảnh,... để viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chủ đề 2

QUẢNG TRỊ TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1918

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của Quảng Trị từ giữa thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX.
- Trình bày được cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp tại Quảng Trị và những chuyển biến trong xã hội Quảng Trị từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu tại Quảng Trị từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1918.



MỞ ĐẦU



Hình 2.1

Đây là hình ảnh tái hiện câu chuyện Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá tại nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh Quảng Trị.

Em biết gì về sự kiện lịch sử này?



I. QUẢNG TRỊ TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

1. Tình hình chính trị

Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá. Ái Tử – Trà Bát – Dinh Cát của Quảng Trị lần lượt là thủ phủ nhà chúa – trung tâm chính trị, văn hoá, xã hội của cả Đàng Trong suốt một thời gian dài 68 năm (1558 – 1626). Vùng đất Quảng Trị đã trở thành vùng đất mở đầu cho quá trình “tự cường” của Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong. Chính từ vị trí đứng chân ban đầu này mà các chúa Nguyễn đã mở mang bờ cõi, tiến dần xuống phía nam.

Suốt từ cuối thế kỉ XVI cho đến giữa thế kỉ XVII, nhờ sự ổn định về chính trị, cộng với những chính sách phát triển kinh tế xã hội, nhất là chính sách mở cửa giao thương với bên ngoài của các chúa Nguyễn nên vùng đất Quảng Trị đã có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế – xã hội, nổi trội trên hai lĩnh vực là nông nghiệp và thương mại, mậu dịch.

Tư liệu 1.

“Bấy giờ chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn”.

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, 2002, tr 31)

Trong hai thế kỉ XVII – XVIII, cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến đã làm cho người dân nơi đây phải chịu nhiều khổ sở vì binh đao, loạn li, mất mùa, đói kém.

Năm 1801, vua Gia Long cho lấy huyện Hải Lăng, huyện Đăng Xương (Vũ Xương, phủ Triệu Phong cũ) và huyện Minh Linh (phủ Quảng Bình) để lập ra dinh Quảng Trị. Như vậy, lần đầu tiên, tên Quảng Trị xuất hiện với vai trò của một đơn vị hành chính độc lập. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), cho đổi dinh Quảng Trị thành trấn Quảng Trị. Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) mới đổi trấn thành tỉnh Quảng Trị. Quảng Trị nằm cạnh kinh đô Huế, nên triều đình nhà Nguyễn đã có nhiều chính sách khá ưu ái, khoan thư, điều hoà mâu thuẫn để tạo vùng “an toàn” cho tỉnh trực lệ kinh sư nên tình hình chính trị, xã hội tương đối ổn định. Nhân dân Quảng Trị là lực lượng chính tham gia đánh bại ba cuộc tấn công xâm lấn của quân Xiêm vào vùng biên giới phía Tây, giữ vững toàn vẹn lãnh thổ nước ta và nền độc lập của vương quốc Ai Lao vào năm 1833 và 1834.

Nêu những nét chính về tình hình chính trị ở Quảng Trị trong các thế kỉ XVI – XIX.

2. Kinh tế

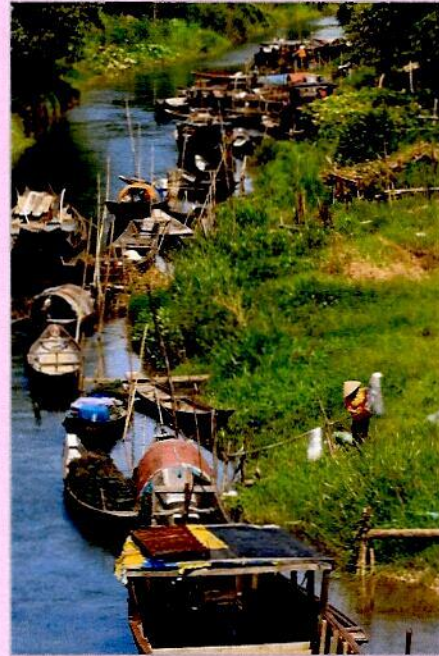
Nông nghiệp: Nhờ những chính sách ưu đãi, khuyến khích của các chính quyền phong kiến nên nông nghiệp ở Quảng Trị trong các thế kỉ XVI – XIX phát triển rõ rệt.

Ruộng đất ở Quảng Trị được khai phá thêm ngày càng nhiều, nhiều làng xã mới đã được thiết lập. Nhiều công trình thủy lợi được đào, nạo vét khơi thông để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Dưới thời các vua Nguyễn, đặc biệt là vua Minh Mạng, đã nhiều lần cho nạo vét, đào những đoạn sông ở Quảng Trị như sông Lễ Môn (1822), sông Vĩnh Định (1825), kênh Thâm Triều (1828), kênh Xuân Dương, Phú Hải (1840),... để mở mang giao thông và phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp.

EM CÓ BIẾT?

Sông Vĩnh Định là con sông đào thuộc tỉnh Quảng Trị, sông này được khơi dòng, nạo vét dưới thời vua Minh Mệnh và Thiệu Trị. Tên gọi Vĩnh Định bắt đầu thời Minh Mệnh. Với tầm quan trọng trong việc tưới tiêu và vận chuyển, lưu thông hàng hoá, con sông này đã được khắc trên Cửa Đình đặt trước sân Thái miếu trong Hoàng thành Huế.



Hình 2.2. Một khúc sông Vĩnh Định

Thương nghiệp: Nhờ những chính sách khuyến khích của các chúa Nguyễn, thuyền buôn của một số nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha,... đã vào Cửa Việt và đi vào sâu trong nội địa buôn bán một cách thuận lợi. Từ đó, những trung tâm thương mại dịch vụ, cảng thị, thị tứ ven biển, ven sông dần hình thành như: thương cảng Tùng Luật ở Vĩnh Linh, thương cảng Mai Xá/ Phường Hàng ở Gio Linh, thương cảng Phó Hội/ Hội Phố ở Triệu Phong. Song song với việc hình thành các trung tâm thương mại thì một hệ thống chợ làng, chợ tổng, chợ mai, chợ chiều, chợ phiên đã ra đời trên vùng đất Quảng Trị nhằm đáp ứng nhu cầu giao thương, trao đổi hàng hoá và phát triển kinh tế, xã hội như một nhu cầu tất yếu.

Tuyến đường Cửa Việt – Cam Lộ – Ai Lao là tuyến đường buôn bán, trao đổi hàng hoá sầm uất nhất ở Quảng Trị thời chúa Nguyễn. Thông qua tuyến đường thủy theo trục sông Hiếu, hàng hoá được trao đổi với vùng trung du và vùng

núi; đồng thời thông qua cửa khẩu Ai Lao, hàng hoá thu gom từ Lào, vùng núi đem về trao đổi với vùng đồng bằng và vùng biển, “tạo nên luồng buôn chuyển trên bộ dưới thuyền từ biển lên Lào và ngược lại rất tập nập”.

Nửa đầu thế kỉ XIX, hàng hoá trong nội địa vẫn lưu thông qua các trục đường bộ như con đường thượng đạo xuyên sơn, tiền thân của Đường 9, đường xuyên Á. Đó là “con đường hương liệu”, con đường giao thương, trao đổi giữa miền ngược với miền xuôi được mở ra từ hàng trăm năm trước. Các hoạt động buôn bán tập trung ở các ngôi chợ. Nổi bật như chợ Sãi, chợ Sòng, chợ Phiên Cam Lộ, chợ Hòm, chợ Cầu, chợ Do,...



Hình 2.3. Chợ Phiên Cam Lộ hiện nay

Từ nửa sau thế kỉ XIX, do chính sách “bế quan toả cảng” của các vua nhà Nguyễn, hoạt động thương mại, nhất là ngoại thương ở Quảng Trị chững lại.

Từ thời Tự Đức trở đi, vua ra lệnh thuyền của Tây Dương chỉ được vào đỗ ở bến Đà Nẵng, chứ không được đến buôn ở cửa biển khác và lệnh cho các quan ở các cửa biển không để cho tàu Tây Dương trà trộn vào các cửa biển địa phương mình quản lí. Do đó, hàng hoá ở Quảng Trị cũng như nhiều nơi khác phải chờ vào Đà Nẵng để thông thương với bên ngoài. Vì vậy, ảnh hưởng rất lớn trong việc lưu thông trao đổi hàng hoá, kìm hãm sức sản xuất.

Thủ công nghiệp: Các làng nghề thủ công, các làng nghề truyền thống trên vùng đất Quảng Trị phát triển mạnh trong những thế kỉ XVI – XIX. Sự phát triển của nghề thủ công nghiệp không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ mà còn tạo ra nguồn hàng thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

Các làng nghề thủ công truyền thống ra đời trong giai đoạn này như: công cụ đồ sắt (nghề rèn) ở làng Đông Hà (nay thuộc Phường 3, thành phố Đông Hà); dệt vải ở làng Lập Thạch (nay là phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà), làng

Trâm Lý (xã Hải Quy, huyện Hải Lăng); đồ mộc ở làng Gia Độ (xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong); bún ở làng Thượng Trạch, làng Cẩm Thạch (xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong); nón lá ở làng Bồ Liêu (xã Triệu Hoà, huyện Triệu Phong); quạt giấy của làng Phương Ngạn (xã Triệu Long, huyện Triệu Phong); rượu ở làng Kim Long (xã Hải Quế, huyện Hải Lăng); bánh ướt ở làng Phương Lang (Hải Ba, huyện Hải Lăng); giấy của làng Phổ Lại (xã Thanh An, huyện Cam Lộ),...

Nêu những nét chính về tình hình nông nghiệp, thương nghiệp, thủ công nghiệp ở Quảng Trị trong các thế kỉ XVI – XIX.

3. Tình hình văn hoá, xã hội

Tiếp nối truyền thống hiếu học từ thời nhà Lê – Mạc, trong các thế kỉ XVI – XIX, giáo dục ở Quảng Trị tiếp tục có sự phát triển, đặc biệt là dưới thời nhà Nguyễn.

Dưới thời các chúa Nguyễn, trong hàng ngũ văn chức của chính quyền có nhiều người quê Quảng Trị thành danh, nổi tiếng như: Trần Đình Ân (Gio Linh) *ân trải thờ bốn triều, quốc kế binh mưu giúp sức được nhiều*; Trần Đình Khánh (Vĩnh Linh) giỏi về từ Hán, rất có tiếng về chính sự ⁽¹⁾.

Thời nhà Nguyễn, hệ thống giáo dục ở Quảng Trị được tổ chức quy củ, nhiều người Quảng Trị đỗ đạt cao trong các kỳ thi và được bổ làm quan hoặc giữ những chức tước khác nhau trong bộ máy chính quyền. Đã có 14 người Quảng Trị đỗ tiến sĩ, 10 vị đỗ phó bảng và hàng trăm cử nhân. Đặc biệt, có nhiều người đã trở nên nổi tiếng như: Nguyễn Hữu Thận, Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Huyền, Lê Khánh Trinh, Lê Đại Nghĩa, Nguyễn Tăng Doãn, Trần Viết Thọ, Hoàng Hữu Xứng, Nguyễn Văn Tường, Lê Trinh,...

Phật giáo thời kì này phát triển mạnh mẽ ở vùng đất Quảng Trị, nhất là thời các chúa Nguyễn nhờ sự ưu ái của nhà nước và sự tin yêu của nhân dân.

Nho giáo dần trở thành hệ tư tưởng chính của chế độ phong kiến Đàng Trong. Đến thời nhà Nguyễn, Nho giáo là khuôn vàng thước ngọc cho việc cai trị và giáo dục. Là một tỉnh trực lệ kinh sư, địa phương gần kề với kinh thành Huế, Quảng Trị nhanh chóng tiếp nhận và thực hiện một cách phổ quát hệ tư tưởng này.

Từ đầu thế kỉ XVII, Thiên Chúa giáo đã chính thức được truyền bá ở Quảng Trị.

Đời sống văn hoá, nghệ thuật của người dân Quảng Trị trong các thế kỉ XVI – XIX phát triển phong phú, góp phần làm giàu thêm vốn văn hoá dân tộc. Các công trình kiến trúc đình chùa, đền, miếu, nhà thờ theo mô thức nhà "rường" ở khắp nơi trong các làng xã người Kinh vùng đồng bằng. Tại các làng xã, nhân dân tổ chức các sinh hoạt truyền thống như: thờ Thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, tổ chức lễ hội hằng năm. Văn học dân gian phát triển với nhiều thể loại như: truyền thuyết, truyện cười, truyện ngụ ngôn, giai thoại, vè, câu đố, đặc biệt là truyện trạng Vĩnh Hoàng. Văn học viết giai đoạn này cũng bắt đầu có thành tựu, với những tên tuổi như: Nguyễn Hữu Thận, Trần Đình Ân, Trần Đình Túc, Nguyễn Văn Tường,...

(1) Ban Chấp hành Đàng bộ Quảng Trị, *Lịch sử sử Đàng bộ tỉnh Quảng Trị, tập I (1930 – 1954)*, NXB Chính trị quốc gia, 2022, tr. 41.

EM CÓ BIẾT?

[...] Từ sau thế kỉ XVI đã bắt đầu xuất hiện kiến trúc đình làng như ở Câu Nhi (*Thùng thình như đình Câu Nhi*), đình làng Hà Thượng, Mai Xá,... Đáng lưu ý là ở vào thời kỳ đầu lập nghiệp, những lớp lưu dân trên vùng đất mới chưa có điều kiện để xây dựng những ngôi đình có kiến trúc khang trang nên đã tạo lập nên những không gian thiêng để thờ cúng thông qua những nền đình lộ thiên. Như vậy, kiến trúc đình làng Quảng Trị có hai loại là đình lộ thiên và đình có nhà. Phần lớn kiến trúc đình làng có nhà ở Quảng Trị tồn tại đến nay đều được xây dựng dưới thời các chúa Nguyễn và vua Nguyễn (niên đại khởi tạo sau thế kỉ XVII – XVIII). [...]

(Tinh uỷ – Uỷ ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị, *Địa chí Quảng Trị*, Sdd, trang 818)



Hình 2.4. Đình làng Hà Thượng

Về mặt xã hội, so với các địa phương khác trên đất nước ta, nhờ sự ưu ái của các chúa Nguyễn, triều Nguyễn nên đời sống nhân dân nhìn chung ổn định, ít có các cuộc khởi nghĩa chống lại chính quyền, mặc dù thiên tai, mất mùa, đói kém vẫn thường xuyên xảy ra.

Nêu những nét chính về tình hình văn hoá, xã hội ở Quảng Trị trong các thế kỉ XVI – XIX.

II. QUẢNG TRỊ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN NĂM 1918

1. Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến trong xã hội Quảng Trị từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Từ năm 1897, cũng như các địa phương khác ở nước ta, thực dân Pháp ráo riết thực hiện công cuộc khai thác thuộc địa tại Quảng Trị một cách quy mô trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

– Liên hệ kiến thức sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8, nêu một số điểm chính về chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

Về chính trị: Thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị chặt chẽ. Đứng đầu tỉnh là một viên Công sứ người Pháp điều hành và quản lí mọi công việc hành chính, an ninh và tư pháp.

Về quân sự: Thực dân Pháp triệt để thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt”, chúng tăng cường bắt người Việt đi lính. Nhà lao tỉnh tại Thành Cổ và nhà tù Lao Bảo có từ thời Nguyễn được tiếp tục nâng cấp để giam cầm, đày đoạ tù nhân, chủ yếu là tù nhân chính trị trong tỉnh và các tỉnh thuộc xứ Trung Kỳ.

EM CÓ BIẾT?

Nhà tù Lao Bảo được thực dân Pháp xây dựng năm 1908 tại huyện Hướng Hoá trên nền đồn trấn thủ của triều Nguyễn trước đây để giam giữ những người yêu nước và các chiến sĩ cộng sản. Tại đây, điều kiện khí hậu khắc nghiệt cùng sự đối xử rất dã man của cai ngục làm nhiều người bị chết. Đến năm 1915, tù nhân chính trị ở Lao Bảo lên đến 200 người.



Hình 2.5. Một góc nhà tù Lao Bảo hiện nay

Về kinh tế: Thực dân Pháp thi hành khai thác thuộc địa, chiếm đoạt tài nguyên, chiếm đất đai lập đồn điền, bóc lột sức lao động; thi hành chính sách sưu thuế nặng nề (thuế đinh, thuế đầu thú, thuế môn bài, thuế chợ, thuế muối, thuế thuốc lá,...).

Về văn hoá – giáo dục: Thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân, duy trì hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo để mê muội đồng bào.

Tư liệu 2.

Chính sách khai thác, bóc lột, chiếm đoạt của thực dân Pháp cùng với việc câu kết với phong kiến cường hào nông thôn chèn ép, áp bức đã đẩy nhân dân Quảng Trị vào con đường bán cùng hoá. Không lối thoát, nhiều người phải bán hết nhà cửa, ruộng vườn, lìa bỏ gia đình, quê hương vào các đồn điền ở Nam Kỳ, khu mỏ ở Bắc Kỳ và dọc Đường 9 hoặc sang Lào, Thái Lan, Tân Đảo để kiếm sống.

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập I (1930 - 1945)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, tr. 54)

Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho xã hội Quảng Trị có những biến đổi. Giai cấp nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận dân số trong tỉnh, bị áp bức cùng cực nhất, ngày càng đi vào con đường bán cùng. Giai cấp địa chủ phong kiến câu kết chặt

chê với đế quốc, ra sức bóc lột nhân dân lao động và kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển. Bên cạnh đó, vẫn có những địa chủ vừa và nhỏ, bị phá sản, có tư tưởng yêu nước, phản ứng chống lại thực dân Pháp. Giai cấp công nhân ở Quảng Trị ra đời muộn và phát triển chậm do chính sách hạn chế phát triển kinh tế công thương nghiệp của thực dân Pháp. Tư sản dân tộc ở Quảng Trị ra đời sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, tiềm lực kinh tế nhỏ bé, bị tư sản Pháp chèn ép. Các tầng lớp khác như thợ thủ công, dân nghèo, tiểu thương, tiểu chủ, những viên chức, trí thức, học sinh nói chung đời sống không ổn định và cũng bị chế độ thực dân chà đạp.

Dựa vào Tư liệu 2, nêu hậu quả của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đối với đời sống nhân dân Quảng Trị.

2. Phong trào chống thực dân Pháp tại Quảng Trị từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1918

a) Phong trào Cần vương ở Quảng Trị

Sau sự kiện Kinh đô thất thủ (ngày 5 – 7 – 1885), Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi tới Sơn phòng (Tân Sở, Quảng Trị).

Tại đây, ngày 13 – 7 – 1885, vua Hàm Nghi đã hạ dụ Cần vương kêu gọi nhân dân kháng Pháp. Hưởng ứng dụ Cần vương, một phong trào vũ trang khởi nghĩa chống Pháp đã bùng nổ mạnh mẽ khắp Trung Kỳ và Bắc Kỳ (Phong trào Cần vương), kéo dài từ năm 1885 đến năm 1898. Ở Quảng Trị, sĩ phu, nhân dân khắp tỉnh hưởng ứng dụ Cần vương.

Nhân dân trong tỉnh đã anh dũng chiến đấu, gây cho Pháp nhiều thiệt hại như các trận: Trạng Mè (Gio Linh), Đò Lục (Vĩnh Linh). Để đốc Hoàng Văn Phúc mộ được 8 đội nghĩa quân, đánh nhau với quân Pháp ở vùng Cửa Việt và hi sinh anh dũng vào năm 1886. Một số tướng lĩnh gan dạ khác cũng làm cho quân Pháp kinh hãi như: Đỗ Văn Chung, Ngô Viết Nghệ, Hồ Văn Chúc,... Khi thực dân Pháp kéo quân tràn qua Quảng Trị, Ngô Viết Nghệ đã chiêu mộ nghĩa dũng ở các địa phương đánh một trận vang dội ở đồn Bàu Quán, nay là xóm Bún thuộc làng Kim Đầu (Thanh An) và chỉ huy một trận đánh khác ở Hà Thanh.

Vua Hàm Nghi ở Bàng Sơn được 10 ngày, Tôn Thất Thuyết lại phò ra Bắc. Từ đây, phong trào Cần vương ở Quảng Trị ngày càng suy yếu và bị đàn áp dã man.

b) Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế

Cuộc vận động Duy tân do Hội Duy tân ở Quảng Trị làm nòng cốt, đứng đầu là Trần Cửu Cai, đã có những hoạt động sôi nổi khắp nơi trong tỉnh, nhiều cuộc diễn thuyết được tổ chức ở tỉnh thành và các phủ huyện. Phong trào cắt tóc ngắn, dùng hàng nội hoá, mặc đồ Tây, học chữ Quốc ngữ, bài trừ mê tín, dị đoan diễn ra một số nơi.

Từ ảnh hưởng của phong trào Duy tân, một cuộc đấu tranh rộng lớn chống sưu cao, thuế nặng diễn ra ở miền Trung, bắt đầu từ đất Quảng Nam. Tại Quảng Trị, hưởng ứng phong trào này, tháng 3 – 1908, hàng ngàn nông dân huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ,... kéo về toà sứ Quảng Trị đấu tranh. Chính quyền thống trị Pháp và Nam triều đàn áp dã man. Có 4 người bị xử tử, Khoá Bảo và một số người cầm đầu bị bắt, giam cầm. Trần Cửu Cai bị mật thám truy nã, phải trốn vào hoạt động bất hợp pháp tại Nam Bộ. Phong trào yêu nước trong tỉnh tạm thời lắng xuống.

c) Cuộc đấu tranh phá ngục Lao Bảo

Đến năm 1915, tù nhân chính trị ở Lao Bảo lên đến 200 người, trong đó có nhóm những hội viên Việt Nam Quang Phục Hội như Liêu Thanh, Hồ Bá Kiện, Nguyễn Lê Dự, Trương Bá Kiếu,...

Cuộc đấu tranh nổ ra vào sáng ngày 28 – 9 – 1915. Thời gian đầu, cuộc đấu tranh đã gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp nhưng dần dần, lực lượng nghĩa sĩ ngày càng giảm sút do bị giam cầm lâu ngày nên sức khoẻ đã suy kiệt. Hai nhà lãnh đạo Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện cùng một số nghĩa quân hi sinh trong chiến đấu, một số bị bắt,... Cuộc khởi nghĩa tan rã, thất bại.

Em có nhận xét gì về phong trào chống thực dân Pháp tại Quảng Trị từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1918.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng tóm tắt (hoặc sơ đồ tư duy) về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội từ giữa thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX.
2. Trình bày các chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Quảng Trị từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Xã hội Quảng Trị có những chuyển biến gì dưới tác động của các chính sách đó?
3. Trình bày các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp tại Quảng Trị từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1918.



VẬN DỤNG

Tìm hiểu về một di tích lịch sử gắn liền với sự kiện lịch sử ở Quảng Trị từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1918 (ví dụ: các địa điểm liên quan đến dinh chúa Nguyễn, căn cứ Tân Sở,...), viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về di tích lịch sử đó.

Chủ đề 3

PHONG TỤC, TẬP QUÁN SINH HOẠT CỦA NGƯỜI QUẢNG TRỊ

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Giải thích được một số nét đặc trưng trong phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân Quảng Trị.
- Viết được hoặc làm được video giới thiệu về một phong tục, tập quán sinh hoạt tại địa phương.
- Biết tự hào và có ý thức gìn giữ, bảo vệ những nét đẹp văn hoá của quê hương.



MỞ ĐẦU



Hình 3.1



Hình 3.2

Đây là những hình ảnh thể hiện phong tục, tập quán của người dân Quảng Trị. Em biết gì về phong tục này ở quê em?



KIẾN THỨC MỚI

I. QUAN HỆ GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ, LÀNG XÓM

1. Quan hệ gia đình

Ở tỉnh Quảng Trị, hình thái gia đình chủ yếu có hai dạng: gia đình nhỏ và gia đình lớn. Gia đình nhỏ chỉ gồm một cặp vợ chồng và con cái cùng chung sống trong một ngôi nhà, có ruộng đất và tài sản riêng. Gia đình lớn gồm cặp vợ chồng, con cái cùng sống với bố mẹ và các anh chị em chưa lập gia đình; mọi tài sản trong nhà đều là của chung, các thành viên ăn chung, làm chung. Đa số gia đình ở Quảng Trị có từ hai đến ba thế hệ cùng chung sống, một số ít gia đình có bốn thế hệ cùng chung sống.

Trong các gia đình ở Quảng Trị thì nam giới thường giữ vai trò quan trọng nhất. Người cha thường có quyền hành lớn nhất, con cái sinh ra thường mang họ của cha. Khi cha mất, quyền hành được trao cho người con trai trưởng. Mặc dù hiện nay đang thực hiện bình đẳng giới, người phụ nữ đã tích cực tham gia vào các công việc xã hội nhưng tính chất phụ quyền và gia trưởng vẫn được thể hiện rõ nét trong hầu hết các gia đình ở làng quê thuộc tỉnh Quảng Trị.

Quan hệ giữa ông bà và cháu chắt được xem là quan trọng và thiêng liêng. Theo quan niệm của người Kinh, trong một gia đình có hai đến ba, bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì gia đình đó được xem là gia đình có phúc đức. Ở đó, ông bà đóng vai trò duy trì truyền thống gia đình, hoà giải các mâu thuẫn; cháu chắt có trách nhiệm chăm sóc ông bà khi họ già cả, bệnh tật.

Quan hệ giữa cha mẹ và con cái là quan hệ quan trọng nhất và thiêng liêng nhất. Cha mẹ có vai trò sinh thành, nuôi dưỡng và góp phần giáo dục con cái nên người hữu ích. Con cái có trách nhiệm, nghĩa vụ, tình cảm với cha mẹ bằng cách hiếu thảo, vâng lời, yêu thương cha mẹ.

Trong các gia đình ở Quảng Trị, khi các con cái trưởng thành, lập gia đình sẽ được cho ra ở riêng, con trai trưởng hoặc con trai út sẽ ở với bố mẹ. Bố mẹ còn khoẻ mạnh, họ sẽ giúp đỡ con cháu việc nấu nướng, đưa đón các cháu việc học hành. Khi già yếu, bố mẹ được con cái chăm sóc sức khoẻ và giao quyền quản lý gia đình cho người con trai. Hằng năm, vào dịp cúng giỗ sẽ được tổ chức tại gia đình có bố mẹ ở lúc cuối đời.

Quan hệ vợ chồng dựa trên hôn nhân, tình cảm, nghĩa vụ, sự tôn trọng lẫn nhau, cùng đưa ra quyết định và chia sẻ trách nhiệm trong công việc gia đình. Quan hệ giữa con cái với nhau được xây dựng dựa trên tình cảm yêu thương, sự chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau giữa các anh, chị em trong nhà.

Trọng tình và trọng hiếu là đặc điểm nổi bật nhất trong quan hệ gia đình của người Việt ở Quảng Trị. Để xây dựng gia đình thuận hoà, hạnh phúc, hiện đại, văn minh, điều quan trọng là phải yêu thương, thấu hiểu, tôn trọng lẫn nhau; loại bỏ những quan niệm cổ hủ, trọng nam khinh nữ, không sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn trong gia đình.

2. Quan hệ dòng họ

Tính đến nay, những dòng họ người Kinh ở Quảng Trị thường đã trải qua trên dưới 20 đời, riêng những dòng họ đến nhập cư sớm ở vùng đất thuộc châu Ma Linh / Minh Linh có trên dưới 30 – 40 đời. Đa số các dòng họ, đặc biệt là các dòng họ khai canh, khai khẩn ở Quảng Trị đều có nguồn gốc từ phía bắc di cư vào đây lập nghiệp, phần lớn có xuất xứ từ vùng Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, một số ít đến từ vùng châu thổ sông Hồng. Trước đây, đồng bào dân tộc thiểu số sống ven các triền núi của dãy Trường Sơn ở các huyện Hướng Hoá, Đakrông chỉ có tên mà không có họ, không có kiểu quan hệ và tổ chức dòng họ như người Kinh. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng bào tự nguyện lấy họ Hồ của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm họ của mình.

Nhiều dòng họ ở Quảng Trị có những truyền thống tốt đẹp đã được lưu danh trong sử sách như họ Hoàng làng Bích Khê, họ Nguyễn Tăng ở Hải Lăng, họ Lê Cảnh ở Bích La, họ Nguyễn Đức ở An Thủy, họ Nguyễn Hữu ở Triệu Phong,...

Trong đời sống người Kinh ở Quảng Trị, quan hệ dòng họ rất được chú trọng.

Quan hệ dòng họ được thể hiện rõ qua cách tổ chức dòng họ. Tùy theo số thế hệ và quy mô mà dòng họ được tổ chức thành nhiều cấp như phái, chi, nhánh. Mỗi họ, phái, chi... thường có trưởng họ, trưởng phái, trưởng chi – là những người đứng đầu họ, phái, chi; đại diện, quản lý và quyết định các công việc chung của dòng họ.

Quan hệ dòng họ thể hiện ở phương thức tính họ của người Kinh: tính họ theo dòng cha/ họ nội. Họ nội bao gồm tất cả con trai; con gái chưa lập gia đình hoặc không lập gia đình, những người con dâu trong họ. Những thành viên này được tập hợp và ràng buộc bởi quan hệ huyết thống, hôn nhân, kinh tế và tâm linh. Trong dòng họ, người con trai thường được đề cao và giữ vị trí quan trọng về kinh tế và tài sản.

Mỗi dòng họ thường có các hoạt động riêng, nhưng việc tổ chức giỗ chạp, tảo mộ và thờ cúng tổ tiên, gia tộc là các hoạt động quan trọng, thể hiện sâu sắc quan hệ dòng họ. Các ngày giỗ tổ của các dòng họ thường được tính theo Âm lịch và thường chọn ngày mất của người cao nhất trong dòng họ để tổ chức. Ngoài ra, các dòng họ còn tổ chức nhiều công việc khác như: cử đại diện tham gia các công việc chung của các dòng họ khác trong làng khi được mời; lo việc tang ma, thăm hỏi người trong họ khi ốm đau hoặc gặp hoạn nạn, tổ chức sao chép bổ sung gia phả; xây dựng, chỉnh trang lăng mộ, lập quỹ khuyến học, khuyến tài,...

Mỗi dòng họ ở Quảng Trị thường có một nhà thờ riêng làm nơi thờ cúng, cất giữ gia phả, sắc phong, các đồ tế tự, họp bàn những việc quan trọng của dòng họ. Việc xây dựng và sửa chữa nhà thờ họ sẽ do Ban điều hành dòng họ đứng ra tổ chức và thực hiện. Hằng năm, trai đinh của dòng họ có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp một khoản quỹ đã được thống nhất. Việc họp họ, chi, phái được tổ chức tại nhà thờ chung. Ngày đầu năm mới, con cháu thường tập trung tại nhà thờ để thắp hương, tế lễ tưởng nhớ ông bà tổ tiên dòng họ rồi mới tiến hành du xuân. Gia phả ghi chép rõ ràng tên tuổi, ngày giỗ, vị trí mộ phần, thân thế của từng thành viên qua từng đời. Sắc phong là văn bản của triều đình phong kiến ban tặng cho các thành viên trong dòng tộc đã có công với làng với nước.



Hình 3.3. Sắc phong được lưu giữ trong nhà thờ họ ở làng Trung Yên (Triệu Độ – Triệu Phong)

1. Em đã từng tìm hiểu về nguồn gốc của gia đình, dòng họ của mình chưa? Hãy kể cho lớp nghe câu chuyện về nguồn gốc gia đình, dòng họ của em.
2. Theo em, quan hệ gia đình có quan trọng không? Làm thế nào để duy trì tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình?
3. Những giá trị truyền thống nào nên tiếp tục được truyền lại trong gia đình, gia tộc, dòng họ? Vì sao?

3. Quan hệ làng xóm

Quan hệ làng xóm là quan hệ láng giềng, quan hệ với những người ở ngay cạnh nhà mình, trong thôn xóm, khu dân cư nhà mình. Từ xưa đến nay, quan hệ láng giềng, làng xóm của người Kinh ở Quảng Trị đã tồn tại và phát triển sâu sắc dựa trên hai yếu tố chủ đạo là yếu tố cận thân (cùng dòng họ, huyết thống) và yếu tố cận lân (láng giềng, làng xóm).

Quan hệ láng giềng, làng xóm được xây dựng trên cơ sở tinh thần cộng cư, cộng cảm và cộng mệnh. Quan hệ láng giềng, làng xóm được thể hiện ở tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, đùm bọc, chia sẻ với phương châm “lá lành đùm lá rách”; qua thái độ, tình cảm cộng đồng, qua việc chung tay giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong xóm làng.

Trong tình hình khó khăn về điều kiện tự nhiên, chiến tranh, thiên tai, người dân ở Quảng Trị đã thấm thía triết lí “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, hình thành quan hệ láng giềng, làng xóm sâu sắc, bền chặt. Nhờ tình làng nghĩa xóm, các thành viên trong cộng đồng làng xã ở Quảng Trị đã vượt qua các thử thách của tự nhiên, xã hội và lịch sử.

Tình làng nghĩa xóm là một truyền thống lâu đời và tốt đẹp, giúp người dân trong các làng xã ở Quảng Trị đoàn kết, tạo điều kiện ổn định để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Mỗi thành viên trong làng xã đều cảm thấy gắn bó chặt chẽ với làng quê, chia sẻ các không gian thân thuộc như bến nước, sân đình, con đường, cánh đồng... Đây chính là cơ sở và cội nguồn của tình yêu quê hương đất nước, từ đó hình thành nên tính cách và các giá trị văn hoá cao đẹp trong tâm hồn con người Quảng Trị.

1. Trong gia đình em, ai là người đứng đầu và thường quyết định các vấn đề lớn của gia đình, dòng họ?
2. Theo em, quan hệ láng giềng, làng xóm là gì? Vì sao nó quan trọng trong đời sống cộng đồng?
3. Em hoặc gia đình em đã từng trải qua một tình huống cần sự giúp đỡ từ láng giềng chưa? Hãy kể cho lớp nghe tình huống đó.
4. Nếu được chọn để giúp tổ chức một buổi liên hoan của làng xóm, em sẽ lên ý tưởng gì để làm cho buổi tiệc thật vui và ý nghĩa?

II. PHONG TỤC CƯỚI XIN, TANG MA

1. Cưới xin

Mục đích của các cuộc hôn nhân là để duy trì gia đình, sinh con đẻ cái nối dõi tông đường, kế tục dòng họ. Đây là việc hệ trọng của cả gia tộc và là trách nhiệm của các thành viên trước gia tộc, dòng họ chứ không phải chỉ là việc riêng của mỗi cá nhân. Vì vậy, “lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống” và “môn đăng hộ đối” đã trở thành những tiêu chí và kinh nghiệm được chú trọng và lưu truyền. Trước đây, khi con trai và con gái đến tuổi 16, 17, cha mẹ của người con trai sẽ tìm một cô gái phù hợp, đủ điều kiện để làm dâu, làm vợ, làm mẹ, sau đó tìm một người làm mai mối đến nhà cô gái để xin bàn chuyện hôn sự. Sau khi được nhà gái ưng thuận, nhà trai sẽ tiến hành lần lượt các lễ thức để đi đến hôn nhân. Ngày nay, con trai con gái đến tuổi trưởng thành được quyền tự do tìm hiểu, tự do yêu đương, không cần có người mai mối hoặc sự sắp đặt của

cha mẹ. Tuy vậy, để tiến đến hôn nhân, sự cho phép và ủng hộ của cha mẹ hai bên gia đình là rất quan trọng.

Nghi thức cưới truyền thống của người Kinh ở Quảng Trị được tiến hành theo 6 bước hay còn được gọi là “lục lễ thành hôn” bao gồm: Lễ nạp thái (chạm ngõ, dạm vợ), lễ vấn danh (hỏi họ tên, tuổi của người con gái), lễ nạp cát (lễ hỏi), lễ thỉnh kỳ (ấn định ngày cưới), lễ nạp tệ (đưa sính lễ đến nhà gái), lễ thân nghinh (lễ cưới đón dâu về nhà trai). Các thủ tục trong mỗi lễ được quy định khá chặt chẽ, nghiêm ngặt. Tuy nhiên, với phương châm “tuỳ gia phong kiệm”, các bước để tiến hành một cuộc hôn nhân ngày nay thường đơn giản hơn, chủ yếu bao gồm lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới.

2. Tang ma

Tang ma là một phong tục thể hiện quan niệm về sự sống chết phổ biến ở hầu hết các cộng đồng, dân tộc. Tuy nhiên, mỗi cộng đồng, dân tộc có quan niệm và cách thực hành nghi thức tang ma không giống nhau. Phần dưới đây giới thiệu đôi nét về phong tục tang ma của cộng đồng người Kinh ở Quảng Trị.

Người Kinh tin rằng cõi sống và cõi chết là hai thế giới riêng biệt nhưng liên kết với nhau. Linh hồn của người chết vẫn tồn tại ở thế giới âm phủ và thỉnh thoảng trở về dương gian để sẻ chia những vui buồn và phù hộ độ trì cho người sống. Tang lễ được xem là việc đưa người chết về thế giới bên kia và chăm sóc mộ phần để linh hồn người chết siêu thoát.

Thế thức tang ma của người Kinh ở Quảng Trị bao gồm các bước: lau rửa, thay quần áo cho người đã khuất,... rồi tiến hành việc khâm liệm, nhập quan. Sau khi nhập quan thì tiến hành lập bàn thờ, thực hiện các lễ: lễ thành phục, lễ tế giang sơn,... Trong thời gian quan tài nằm tại nhà, có các lễ cúng cơm hàng ngày. Trước khi đưa tang, gia quyến phải rước bài vị đến nhà thờ họ để làm lễ yết tổ. Khi đưa tang, quan tài được đặt trong xe tang để di chuyển đến nghĩa trang. Sau khi mai táng xong, có lễ tế hậu thổ và các lễ cúng khác: lễ mở cửa mả (3 ngày), lễ cúng chung thất (49 ngày), lễ cúng tốc khóc (100 ngày),...

Mộ phần thường đặt trong nghĩa trang, xa khu dân cư, được chọn vị trí và phương hướng theo thuật phong thủy. Kiến trúc mộ thường đắp bằng đất hình nấm tròn hoặc xây bằng gạch, xi măng, tuỳ theo gia cảnh của người chết.

1. Em đã từng tham gia hoặc tham dự một đám cưới truyền thống chưa? Hãy kể cho lớp nghe về trải nghiệm đó.
2. Tại sao phong tục cưới hỏi và tang ma vẫn được duy trì đến ngày nay? Em có cho rằng hiện nay, việc duy trì các phong tục đó là cần thiết không? Vì sao?



LUYỆN TẬP

Chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 thành viên) và thực hiện các bài tập luyện tập sau:

1. Hãy tìm hiểu về truyền thống gia đình của các thành viên trong nhóm và chia sẻ thông tin cho nhau. Sau đó, cả nhóm cùng thảo luận về các quy định, phép tắc trong

mỗi gia đình (những quy tắc mà mỗi thành viên trong gia đình cần tuân thủ), giải thích tại sao chúng lại quan trọng đối với sự hoà thuận trong gia đình.

2. Nếu em được chọn làm người đứng đầu một gia đình hoặc dòng họ, em sẽ có những kế hoạch và phương pháp nào để duy trì, phát triển gia đình hoặc dòng họ đó? Hãy viết một bài văn ngắn trình bày kế hoạch và phương pháp của em.
3. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

PHONG TỤC CƯỚI HỎI CỦA NGƯỜI VÂN KIỂU

Việc tổ chức lễ cưới của người Vân Kiều ở Quảng Trị không chỉ là một việc hệ trọng đối với gia đình, dòng họ mà còn là của cả bản làng. Người Vân Kiều có câu: “Con trai lớn đủ tuổi phải lấy vợ, con gái đủ tuổi khôn gả chồng” nên sau một thời gian tìm hiểu, đôi trai gái phải lòng nhau thì cùng báo với hai gia đình để chuẩn bị lễ cưới. Ngày nay, trong đám cưới của người Vân Kiều vẫn giữ nhiều nghi lễ truyền thống gắn liền với tập quán sinh hoạt của đồng bào. [...]

Theo phong tục của người Vân Kiều thì trong ngày đón dâu, nhà trai chuẩn bị lễ vật xin dâu là một chiếc nồi đồng, đồng bạc trắng và 1 thanh kiếm. Thanh kiếm chính là lễ vật quan trọng nhất, được dùng để tiến hành tục lệ trao kiếm và chỉ khi thủ tục này hoàn tất thì cô dâu mới được rời khỏi nhà mình về nhà chồng. Tục lệ trao kiếm trong lễ cưới có ý nghĩa quan trọng với người Vân Kiều. Thanh kiếm biểu hiện cho sự gắn bó khăng khít giữa vợ và chồng vì người Vân Kiều quan niệm chuôi kiếm và lưỡi kiếm là hai bộ phận không thể rời nhau, chính vì vậy mà đôi vợ chồng cũng không thể thiếu nhau. Thanh kiếm còn tượng trưng cho sức mạnh của chàng trai, chính vì vậy trong một gia đình Vân Kiều sinh được bao nhiêu con trai thì sẽ chuẩn bị bấy nhiêu thanh kiếm.

Người Vân Kiều thường chọn buổi chiều để đón dâu. Theo quan niệm của người Vân Kiều, đây là thời khắc các vị thần linh như Thần sông, Thần suối... về với dân bản. [...] Khi cô dâu chuẩn bị bước vào nhà, mẹ chồng cầm gáo nước dội nhẹ vào bàn chân của cô với mong muốn xóa đi những khó khăn vất vả và cầu cho vợ chồng hạnh phúc, gặp nhiều may mắn trong cuộc sống. Gia đình nhà trai chuẩn bị lễ vật đầy đủ như thịt, rượu, hoa quả dâng lên tổ tiên thông báo nhà có thêm một thành viên mới. [...]

Đến dự đám cưới, khách thường tặng những chiếc bánh giầy và vải váy xấn để chúc mừng hạnh phúc cho đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc, bền lâu. Ngoài những lời chúc tốt đẹp dành cho cô dâu chú rể, họ tập trung hát chúc mừng cho gia đình. Điệu hát trong đám cưới của người Vân Kiều là làn điệu Oát xà nổi đi kèm với tiếng sáo khui. [...] Người Vân Kiều thường chọn các ngày chẵn như 6, 8, 10, 16, 18 trong các tháng đầu năm và cuối năm để làm lễ cưới. Sau lễ cưới, người Vân Kiều còn bắt buộc phải tổ chức cưới lần hai, gọi là lễ khời hay lễ hoàn tất. Khi chưa thực hiện lễ khời, đôi vợ chồng khi sang nhà vợ không được bước lên nhà. Những ràng buộc khắt khe đó, khiến các cặp vợ chồng dù khó khăn cũng cố dành dụm để thực hiện bằng được lễ khời. Phong tục cưới lần 2 cũng giống lần đầu nhưng lễ vật giá trị hơn. Người Vân Kiều coi đây là cách để họ thêm gắn bó, yêu thương nhau hơn, sống hạnh phúc và gắn bó bên nhau trọn đời.

(Theo Lan Anh, nguồn: <https://vovworld.vn/vi-VN/sac-mau-cac-dan-toc-viet-nam/phong-tuc-cuoi-hoi-cua-nguoi-van-kieu-339103.vov>)

3.1. Theo phong tục của người Vân Kiều, lễ vật quan trọng nhất trong ngày đón dâu là gì?

- A. Chiếc nôi đồng B. Đồng bạc trắng C. Hoa quả D. Thanh kiếm

3.2. Ý nghĩa của việc trao kiếm trong lễ cưới của người Vân Kiều là gì?

- A. Biểu hiện cho sự gắn bó khăng khít giữa vợ chồng
B. Tượng trưng cho sức mạnh của nhà trai
C. Tượng trưng cho số con cái trong gia đình nhà trai
D. Tượng trưng cho sức mạnh của nhà gái

3.3. Người Vân Kiều thường chọn buổi nào để đón dâu?

- A. Buổi sáng B. Buổi trưa C. Buổi chiều D. Buổi tối

3.4. Lễ vật nào thường được nhà trai chuẩn bị để dâng lên tổ tiên trong ngày đón dâu?

- A. Thịt, rượu và hoa quả B. Thịt, rượu và bánh giầy
C. Bánh giầy, hoa quả và vải váy xắn D. Thịt, rượu và vải váy xắn

3.5. Khách dự đám cưới của người Vân Kiều thường tặng quà gì để chúc mừng hạnh phúc cho đôi vợ chồng trẻ?

- A. Những chiếc bánh giầy và vải váy xắn
B. Lời chúc mừng và điệu hát Oát xà nót
C. Những chiếc bánh giầy và sáo khui
D. Vải váy xắn và hoa quả



VẬN DỤNG

1. Kể lại những trải nghiệm của riêng em hoặc kể lại câu chuyện mà em biết về sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các gia đình trong dòng họ, làng xóm.
2. Em có những cách nào để duy trì mối quan hệ tốt đẹp với hàng xóm, láng giềng? Hãy chia sẻ với bạn bè.
3. Em có thể chia sẻ về quy trình tổ chức đám cưới trong cộng đồng văn hoá của em không? (văn hoá của cộng đồng người Kinh, văn hoá của cộng đồng người Bru– Vân Kiều,...)

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được một số lớp từ ngữ địa phương đặc trưng của vùng Quảng Trị.
- Có ý thức giữ gìn, sử dụng từ ngữ địa phương phù hợp với ngữ cảnh.



MỞ ĐẦU

Nằm trong vùng phương ngữ Bắc Trung Bộ, Quảng Trị là một trong số các địa phương có hệ thống từ ngữ còn bảo lưu nhiều yếu tố cổ của tiếng Việt. Tiếng nói của người dân nơi đây cũng vì thế mà mang một nét đặc trưng rất riêng. Trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, từ ngữ địa phương Quảng Trị đã trở thành một nét đẹp văn hoá của tỉnh nhà.

Tim và liệt kê một số từ ngữ địa phương Quảng Trị thường xuất hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người dân.



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG QUẢNG TRỊ

Theo cách phân chia vùng phương ngữ tiếng Việt của các nhà ngôn ngữ học, tiếng Quảng Trị thuộc phương ngữ Bắc Trung Bộ. Trong sự đối sánh với ngôn ngữ toàn dân và các phương ngữ khác, phương ngữ Quảng Trị có sự khác biệt nhất định về phương diện từ vựng, ngữ âm, ngữ nghĩa. Trong đó từ ngữ địa phương là phương diện cơ bản thể hiện nổi bật đặc trưng của phương ngữ Quảng Trị. Do đặc điểm lịch sử, vị trí địa lý, từ ngữ địa phương Quảng Trị khá phong phú và lưu giữ nhiều yếu tố cổ, trong đó, điểm nổi bật đầu tiên là việc bảo lưu nhiều từ cổ: *đũa* (rổ rá), *cươi* (sân), *lợi* (gậy), *toóc* (rà), *na* (bưng, đem), *mệ* (bà), *ót* (gáy), *chộ* (thấy), *chờng* (giường),...

Về ngữ nghĩa, xét trong sự tương ứng giữa từ ngữ địa phương Quảng Trị với tiếng Việt toàn dân, lớp từ ngữ địa phương Quảng Trị chia làm hai loại cơ bản sau:

Hệ thống từ ngữ địa phương Quảng Trị có nghĩa tương ứng với nghĩa của từ toàn dân. Ví dụ:

Từ toàn dân	Từ ngữ địa phương Quảng Trị	Nghĩa
<i>gọt</i>	<i>khót</i>	Cắt bỏ lớp bao phủ bên ngoài.
<i>vui</i>	<i>bui</i>	Trạng thái thấy thích thú của người đang gặp việc hợp nguyện vọng hoặc đang có điều làm cho hài lòng.
<i>xách</i>	<i>xéc</i>	Cầm nhắc lên hay mang đi bằng một tay với cánh tay buông thẳng xuống.
<i>gì</i>	<i>chi</i>	Từ dùng để chỉ sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó không rõ (thường dùng để hỏi) hoặc để chỉ sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó bất kì (Ví dụ: Cái chi cũng biết.).
<i>sân</i>	<i>cươi</i>	Khoảng đất trống, bằng phẳng ở trước cửa nhà.
<i>đầu gối</i>	<i>trôốc cúi</i>	Mặt trước của chỗ ống chân khớp với đùi.
<i>ruộng</i>	<i>roọng</i>	Đất trống trọt ở ngoài đồng, xung quanh thường có bờ.

Hệ thống từ ngữ địa phương Quảng Trị đồng âm nhưng có nét nghĩa khác với nghĩa của từ toàn dân. Ví dụ:

Từ ngữ địa phương Quảng Trị	Nghĩa trong từ toàn dân	Nghĩa trong từ địa phương Quảng Trị
<i>cùn</i>	– Mòn, không sắc. – Bảo thủ, nói không có lí lẽ.	– (Cái) quần. – Mòn, không sắc. – Bảo thủ, nói không có lí lẽ.
<i>bổ</i>	Thao tác cắt, chặt, bửa đồ vật làm nhiều phần.	– Ngã. – Thao tác cắt, chặt, bửa đồ vật làm nhiều phần.
<i>bả</i>	Thức ăn có thuốc độc dùng làm mồi để lừa giết thú vật nhỏ.	– Tắt. – Thức ăn có thuốc độc dùng làm mồi để lừa giết thú vật nhỏ.
<i>lái</i>	Động tác điều khiển phương tiện cơ giới để di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác.	– Đồ đan bằng các loại sợi, có nhiều hình dáng và công dụng khác nhau, thường dùng để ngăn chắn, bắt cá, chim,... – Động tác điều khiển phương tiện cơ giới để di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác.

Về cấu tạo, từ ngữ địa phương Quảng Trị mang nhiều nét đặc trưng do còn bảo lưu nhiều từ có phụ âm đầu (*bo* (vo), *bư* (vừa), *đao* (dao), *khở* (gỗ), *con ca* (con gà), *thốt* (đột),...), nguyên âm (*nác méng* (nước miếng), *mạn* (mượn), *lả* (lửa), *khoóc* (khóc),...), phụ âm cuối (*cuộn chĩn* (cuộn chỉ), *quả bĩn* (quả bí),...) chỉ tồn tại trong tiếng Việt cổ xưa, còn trong vốn từ tiếng Việt toàn dân hiện nay đã biến đổi hoặc biến mất.

Việc sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp tạo nên sự độc đáo, riêng biệt cho lời ăn tiếng nói hằng ngày của người Quảng Trị. Sắc thái gần gũi, mộc mạc của phương ngữ Quảng Trị góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả giao tiếp, gắn kết người nói và người nghe.

Tuy nhiên, trong giao tiếp cũng như trong tạo lập văn bản, đặc biệt là khi giao tiếp với người ở các vùng miền khác, cần sử dụng từ ngữ địa phương phù hợp nhằm tránh gây khó hiểu cho người nghe.

Ngôn ngữ là phương tiện bảo tồn, lưu giữ và sáng tạo văn hoá. Là một thành tố của văn hoá, từ ngữ địa phương Quảng Trị thể hiện dấu ấn của các nền văn hoá khác nhau, của các cộng đồng người qua các thời kì lịch sử khác nhau ở vùng đất Quảng Trị. Chúng ta có thể thấy được rõ nét sắc thái địa phương, sắc thái văn hoá vùng miền được hình thành, lưu giữ bền bỉ trong bức tranh từ ngữ địa phương vô cùng đa dạng và phức tạp. Ngoài việc phát huy chức năng xã hội trong đời sống địa phương, cùng với phương ngữ các vùng miền khác trên mọi miền Tổ quốc, phương ngữ Quảng Trị góp phần tạo nên sự phong phú, muôn màu muôn vẻ của ngôn ngữ dân tộc.

1. Tiếng Quảng Trị thuộc phương ngữ nào?
2. Sự phong phú của từ ngữ địa phương Quảng Trị thể hiện như thế nào?
3. Theo em, cần lưu ý điều gì khi sử dụng từ địa phương trong giao tiếp?

II. VĂN BẢN

MẮC CỌP MÀ CÀY

Một anh vác cái cày gãy từ ngoài ruộng thất thểu trở về. Người làng gặp hỏi: “Trâu trở chứng hay rằng mà cày gãy đôi rứa eng?” “Chỉ tại mụ vợ tui hết.” Anh ta trả lời, giọng bực tức. “Ài đời gà mới gáy canh tư, mụ vợ tui đã thức tui dậy bắt đi cày. Tui mắt nhắm, mắt mở, vác cày ra chuồng dắt trâu ra ruộng mắc cày vô. Cày được khoảng nửa sào ruộng, trời mới tờ mờ sáng. Tui vừa cày vừa thắc mắc: Con trâu bữa ni rằng trở chứng ri hi? Đi ngung nga ngung ngoẵng như thằng say rượu, cứ xía xía vô miệt rú. Hò “tắc” thì hần “rì”, hò “rì” thì hần “tắc”. Hò “họ” thì hần bươn lên mau hơn! Tui tức điên lên găm cày xuống đất, “rì” hần đứng lại coi thử tại rằng, thì trời ơi một lão cọp. Mặt lão thì bạc má, ba vành miêng như cái nổi ba đang cố sức kéo cái cày lên. Té ra tui mắc lầm cọp mà không biết. Tui vội lấy cái rựa đến chặt niệt. Lão hoảng quá, học một tiếng rồi kéo cả cày chạy vô rú. Tui tiếc cái cày mới đuổi theo gần đứt hơi mới giành lại được, nhưng cày đã gãy mất rồi. Biết như ri cứ để cho hần tha luôn, đuổi theo thêm mệt”.

(Rút từ *Văn học dân gian Quảng Trị*, tập một, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Trị, 1992)

Câu hỏi tìm hiểu văn bản

1. Tìm từ ngữ địa phương có trong văn bản trên.
2. Những từ ngữ địa phương đó có nghĩa tương đương với những từ ngữ toàn dân nào? Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương trong văn bản trên.



LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ địa phương Quảng Trị tương ứng với từ ngữ toàn dân trong bảng sau:

STT	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ địa phương Quảng Trị
1	củ (củ khoai)	?
2	đường	?
3	nhau (thương nhau)	?
5	sâu	?
6	xa	?
7	trên	?
8	thẹn	?
9	thèm	?
10	trứng	?

2. Cho các ngữ liệu sau:

- (1) Nhứt cá cắn câu, nhì trâu đánh chắc.
- (2) Nhiều nghề cá trê húp nác.
- (3) Tháng Hai dòm ra, tháng Ba dòm vào.
- (4) Nước chảy ào ào không bằng hao lộ mọi.
- (5) Đói thì ăn môn ăn khoai
Đừng thấy ló lổ Giêng Hai mà mừng.

(Văn học dân gian Quảng Trị, Tập 1, Sở văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Trị, 1992)

- a. Tìm những từ ngữ địa phương có trong các ngữ liệu trên.
- b. Thử thay thế những từ ngữ địa phương vừa tìm được bằng những từ ngữ toàn dân có cùng ý nghĩa. Nhận xét tác dụng của từ ngữ địa phương đối với các ngữ liệu trên.

3. Cho nhận định sau:

"Phương ngữ Quảng Trị sâu đậm mà ám ảnh, có khi khuyên nhủ, răn dạy con người biết phải trái, đúng sai, biết lẽ nghĩa mà sống cho tử tế. Đó chính là đạo lý của làng quê, cội rễ dân tộc này, của cả những người không biết chữ. Vì vậy, dù thường có vẻ dễ hiểu nhưng lại luôn để ngỏ những điều cần tìm tòi và khám phá..."

(Phạm Xuân Dũng, Thử vị thay, phương ngữ Quảng Trị, Tạp chí Cửa Việt)

- Em hiểu như thế nào về nội dung và ý nghĩa của nhận định trên?
- Viết đoạn văn (5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc bảo tồn và phát huy tiếng nói địa phương trong cuộc sống hiện nay.



VẬN DỤNG

1. Thiết kế sổ tay “Từ ngữ địa phương Quảng Trị”.

Từ ngữ địa phương được biểu hiện cụ thể và xuất hiện thường xuyên trong lời ăn, tiếng nói hằng ngày của người dân. Bằng những trải nghiệm thực tế của cá nhân kết hợp với các thiết bị hỗ trợ (máy ghi âm, máy quay phim, điện thoại di động,...), em hãy tìm hiểu, ghi chép lại các từ ngữ địa phương thường xuyên xuất hiện trong ngôn ngữ sinh hoạt của người dân, sau đó thiết lập sổ tay về từ ngữ địa phương Quảng Trị với các nội dung sau:

SỔ TAY TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG QUẢNG TRỊ

STT	Từ ngữ địa phương	Nghĩa	Ví dụ
1	?	?	?
2	?	?	?
...	?	?	?

2. Sưu tầm và chia sẻ thông tin.

Không chỉ được dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt, từ ngữ địa phương của Quảng Trị còn xuất hiện trong kho tàng văn học dân gian của địa phương như một nét độc đáo về hình thức nghệ thuật. Bằng những hiểu biết của cá nhân (từ ông bà, cha mẹ, những người già cả có nhiều vốn sống,...) kết hợp với các phương tiện hỗ trợ (sách, báo, in-tơ-nét,...), em hãy sưu tầm một số văn bản văn học dân gian (ca dao, tục ngữ, câu đố, vè, truyện cười,...) có chứa từ ngữ địa phương Quảng Trị và chia sẻ với bạn bè để góp phần gìn giữ và lan toả những giá trị tốt đẹp của tiếng nói địa phương.

Chủ đề 5

QUẢNG TRỊ VỚI CÔNG TÁC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM Mìn

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận dạng và nêu được đặc điểm nhận biết của một số loại bom mìn, vật liệu chưa nổ.
- Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và cách phòng tránh tai nạn bom mìn.
- Liên hệ được trách nhiệm của bản thân trong việc phòng tránh tai nạn bom mìn.



MỞ ĐẦU

Đọc các thông tin sau và chia sẻ hiểu biết của em về tác hại của bom, mìn ở tỉnh Quảng Trị.

1. Anh Hồ Văn Lai (sinh năm 1990, sinh sống ở tỉnh Quảng Trị) vô tình gặp phải bom chùm khi đang cùng những đứa trẻ nghịch ngợm, cầm đá đập vỡ những quả bom đó. Khi đập đến quả bom thứ tư thì quả bom phát nổ khiến hai đứa trẻ chết, anh Lai và một em khác bị thương nặng. Vụ nổ khiến anh Lai mất đi cánh tay và chân phải, cổ chân và ngón cái bàn tay trái, bị khoét bỏ nhãn cầu mắt phải, thị lực mắt trái suy giảm, tỉ lệ thương tật 86%. Trải qua nhiều ca mổ, anh phải mất 4 năm tập phục hồi chức năng mới có thể quay lại trường học.
2. Ông Cao Văn Năm (huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị) theo người làng đi tìm vỏ bom, đạn để đem bán. Một lần, người bạn đi cùng ông cuốc phải quả đạn pháo 105 li khiến nó phát nổ. Hai người đứng gần chết tại chỗ, riêng ông đứng xa hơn, bị mảnh pháo găm vào bụng làm thủng ruột, phổi,... Sau những ca phẫu thuật cắt bỏ ruột non và nhiều phần nội tạng khác, ông chịu tỉ lệ thương tật đến 85%. Từ lao động chính, trụ cột trong gia đình, người thanh niên mới ngoài đôi mươi đã mất đi khả năng lao động, thể trạng luôn yếu ớt. Nhiều năm sau, dù sức khỏe có ổn định hơn, nhưng ông Năm chỉ có thể làm các công việc nhẹ như làm tắm, chổi,... với thu nhập ít ỏi.
3. Tháng 5 – 2016, một vụ nổ bom chùm trên cánh đồng ở xã Hải Ba, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đã khiến hai nhân viên kĩ thuật của Dự án NPA/RENEW thương vong. Trong đó, người Đội trưởng của Đội Khảo sát kĩ thuật là ông Kh (45 tuổi) đã qua đời vì vết thương quá nặng. Những đồng nghiệp có mặt ở hiện trường vụ tai nạn cho biết, ông Kh gặp nạn khi đang tìm kiếm dấu vết bom chùm trên mảnh ruộng vừa được

người dân thu hoạch. Quả bom phát nổ khi ông đến gần kiểm tra mà chưa kịp xử lí. Tai nạn của người đội trưởng kì cựu, có kinh nghiệm hơn 10 năm gần bó với việc rà phá bom, mìn khiến đồng nghiệp sửng sốt và đau đớn.

(Nguồn: <https://nhandan.vn/phai-mat-hon-165-nam-moi-ra-pha-het-bom-min-o-quang-tri-post568421.html>)

KIẾN THỨC MỚI

I. NHẬN DẠNG BOM MÌN VÀ CÁC VẬT LIỆU CHƯA NỔ

Quan sát hình 5.1 và đọc thông tin chi tiết ở bảng 5 dưới đây:



Hình 5.1. Một số loại bom mìn, vật liệu chưa nổ trong chiến tranh

Bảng 5. Đặc điểm nhận biết một số loại bom mìn, vật liệu nổ

Bom là vũ khí, vỏ thường bằng kim loại, bên trong chứa thuốc nổ, thường do máy bay thả xuống.	Mìn là khối thuốc nổ được dùng làm vũ khí chôn hoặc đặt để công phá, sát thương.	Đạn pháo, đạn cối được bắn từ các loại pháo, súng cối để tiêu diệt các mục tiêu như phương tiện, thiết bị, trang bị, phá huỷ nhà cửa, công trình.	Lựu đạn là vũ khí có vỏ cứng, bên trong chứa chất nổ hoặc chất hoá học và bộ phận gây nổ, thường được ném bằng tay.	Đạn là vũ khí có khối tròn hay nhọn, thường bằng kim loại, được phóng đi bằng súng để sát thương hoặc phá hoại mục tiêu.
--	---	--	--	---

Xác định các loại bom mìn, vật liệu chưa nổ ở hình 5.1 tương ứng với thông tin ở bảng 5.

EM CÔ BIẾT?

Bình quân mỗi năm rà phá khoảng 2 300 - 2 500 ha thì phải mất hơn 165 năm mới hoàn thành việc rà phá hết diện tích (khoảng 385 nghìn ha đất) bom mìn, vật nổ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tác động của bom mìn, vật nổ đến Quảng Trị hầu như toàn diện trên mọi lĩnh vực: phát triển kinh tế - xã hội, môi sinh môi trường, nguồn nước, sức khoẻ và đặc biệt là số người chết, tàn tật do bom mìn, vật nổ gây ra lên đến hàng nghìn người.

(Nguồn: Báo Nhân dân)

II. NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ CỦA TAI NẠN BOM MÌN, VẬT LIỆU CHƯA NỔ

Tỉnh Quảng Trị có 391 500/461 297 héc ta đất bị ô nhiễm bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh, chiếm 83,8% diện tích toàn tỉnh⁽¹⁾. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Quảng Trị là địa bàn chiến tranh ác liệt, phải hứng chịu hàng trăm nghìn tấn bom đạn. Bom mìn còn sót lại sau chiến tranh ở Quảng Trị đã khiến hơn 3 430 người chết, 5 100 người bị thương, tỉ lệ nạn nhân bom mìn là thanh thiếu niên do chơi đùa với bom mìn chiếm gần 30%. Ngoài ra, địa phương Quảng Trị còn có 13 174 nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam.



Hình 5.2. Một số loại bom trưng bày tại Bảo tàng Quảng Trị

Nguyên nhân dẫn đến những tai nạn liên quan đến bom mìn và vật liệu nổ thường gặp là do tác động trực tiếp bằng cơ học như: cưa, đục, đá, ném, vận chuyển bom mìn; do tác động trực tiếp của nhiệt (bị đốt nóng); do vướng phải bom mìn, vật nổ trong lúc người dân tự khai hoang, phục hoá để khôi phục sản xuất; do người dân thu nhặt phế liệu bán lấy tiền sinh sống; do không có kiến thức về cấu tạo, nguyên lí hoạt động của bom mìn nên đã tự động cưa, cắt để lấy vỏ kim loại; do thiếu hiểu biết, hiếu động nên đã dùng bom mìn, vật nổ nhặt được đùa nghịch dẫn đến gây nổ,...

(1) Nguồn: <https://nhandan.vn/phai-mat-hon-165-nam-moi-ra-pha-het-bom-min-o-quang-tri-post568421.html>

Hậu quả từ những tai nạn do bom mìn và vật liệu nổ tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội. Đối với bản thân mỗi người bị nạn, họ có thể chết hoặc bị thương và phải chịu những di chứng nặng nề về cả về thể chất lẫn tinh thần. Đối với gia đình nạn nhân, hậu quả là ảnh hưởng đến tinh thần, đến kinh tế của gia đình. Đối với xã hội là sẽ làm mất đi nhân lực lao động.

Đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi.

1. Ngày 16 – 2 – 2022, tại thôn Phương An 1, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ đã xảy ra một vụ nổ khiến ông L.C.Tr (43 tuổi) tử vong tại chỗ. Vụ tai nạn xảy ra trong lúc ông Tr đang đào đất để tu sửa lại góc bếp. Vật liệu nổ gây ra vụ tai nạn thương tâm này được xác định là đạn cối 81 mm còn sót lại sau chiến tranh.
2. Giữa tháng 3 – 2022, trong lúc đào móng xây dựng nhà, ông N.V.T ở thôn Diên Khánh, xã Hải Dương, huyện Hải Lăng phát hiện một quả đạn pháo 105 mm. Cũng trong thời gian này, lực lượng công binh thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị đã xử lý an toàn một hầm chứa hơn 400 vật liệu nổ dưới nền nhà của một hộ dân ở khu phố Tây Trì, phường 1, thành phố Đông Hà. Hầm chứa các vật liệu nổ này gồm đạn cối, đạn pháo, bom M83, lựu đạn, đầu đạn các loại. Điều đáng chú ý là số vật liệu nổ này vẫn còn nguyên ngòi nổ.⁽²⁾
3. Ngày 2 – 6 – 2022, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh đã gây ra vụ nổ tại thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hoá. Vụ nổ khiến em H.V.S (15 tuổi, trú tại thôn Xa Bai, xã Hướng Linh) bị thương nặng.⁽³⁾

1. Em có cảm nhận như thế nào khi đọc các thông tin trên?

2. Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến các tai nạn bom mìn và vật liệu chưa nổ đối với trẻ em?

3. Tai nạn bom mìn và vật liệu nổ gây hậu quả gì cho con người và sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương?

III. PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM MÌN, VẬT LIỆU CHƯA NỔ

1. Công tác rà phá, xử lý bom mìn, vật liệu chưa nổ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với các tổ chức quốc tế tiến hành rà phá, xử lý an toàn bom mìn và vật liệu nổ, mang lại sự an toàn cho người dân, tạo điều kiện để các địa phương phát triển kinh tế – xã hội.

Chương trình hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài như: MAG, RENEW và Tổ chức Viện trợ Nhân dân Na Uy (NPA) để thực hiện Dự án NPA/RENEW diễn ra từ năm 2001, nhằm giúp người dân sống ở những vùng ô nhiễm bom mìn có cuộc sống an toàn hơn. Theo Ban Chỉ đạo khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh tỉnh Quảng Trị, riêng năm 2021 đã có khoảng 27 660 bom mìn, vật liệu nổ được phát hiện, xử lý an toàn.

(2) Nguồn: <https://www.vietnamplus.vn/quang-tri-no-luc-thanh-tinh-dau-tien-khong-chiu-tac-dong-cua-bom-min/781819.vnp>

(3) Nguồn: <https://thanhnien.vn/quang-tri-nhat-vat-lieu-no-khi-di-tim-mat-ong-1-em-nho-bi-thuong-nang-1851465426.htm>

Thông qua đường dây nóng, các đội xử lý lưu động đã triển khai 1 670 nhiệm vụ. Diện tích rà phá hiện trường cố định được gần 36,7 triệu m², đạt 122% so với kế hoạch. Trong 10 năm trở lại đây, tỉnh Quảng Trị đã rà phá hơn 25 000 ha đất bị ô nhiễm bom mìn; phát hiện và xử lý an toàn trên 765 000 bom mìn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh; đồng thời hỗ trợ hàng nghìn nạn nhân, người dân nâng cao nhận thức về nguy hiểm bom mìn.

Tỉnh Quảng Trị còn tích cực xúc tiến vận động được hơn 100 dự án viện trợ không hoàn lại cho công tác khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh với tổng kinh phí trên 110 triệu USD, tương đương 2 530 tỉ đồng. Hằng năm có 60 000 lượt người được tiếp cận chương trình giáo dục phòng tránh bom mìn, từ 1 300 – 1 500 nạn nhân và gia đình nạn nhân bom mìn được hỗ trợ về y tế và phát triển sinh kế. Kế hoạch đến năm 2025, tất cả trường học trên địa bàn tỉnh đều đưa chương trình giáo dục phòng tránh bom mìn vào dạy học tích hợp trong các môn học.

EM CÓ BIẾT?

Theo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị, để rà phá hết diện tích bom mìn, vật nổ trên địa bàn tỉnh (diện tích hiện nay còn khoảng 385 nghìn ha đất bị ô nhiễm), bình quân mỗi năm rà khoảng 2 300 – 2 500 ha như hiện nay thì phải mất hơn 165 năm mới hoàn thành việc rà phá.

(Nguồn: nhandan.vn)

Cho biết mục đích của việc rà phá, xử lý bom mìn, vật liệu chưa nổ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Trách nhiệm của học sinh trong việc phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu chưa nổ

Chỉ ra những hành động có thể gây tai nạn bom mìn trong các hình ảnh sau:



Hình 5.3



Hình 5.4



Hình 5.5



Hình 5.6



Hình 5.7



Hình 5.8



Hình 5.9



Hình 5.10

Phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu nổ là trách nhiệm đối với tất cả mọi người. Học sinh cần thực hiện một số việc làm sau để phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu chưa nổ:

- Luôn chú ý đến các dấu hiệu cảnh báo khu vực có thể bị nhiễm bom mìn. Không đi vào khu vực có biển báo nguy hiểm, ngăn không cho người khác đi vào khu vực có bom mìn. Nếu đã nhớ đi vào khu vực có bom mìn thì phải thận trọng đi ra theo lối đã đi vào hoặc đứng yên, la to cho người khác biết để giúp đỡ.
- Không tác động trực tiếp vào bom mìn, vật liệu chưa nổ như: cửa, đục bom, mìn, mở tháo bom mìn, ném vật khác vào bom mìn và vận chuyển bom mìn; cảnh báo người khác không đụng vào bom mìn.
- Không đốt lửa trên vùng đất còn nhiều bom mìn.
- Không chơi đùa ở những nơi có thể còn sót lại bom mìn như hố bom, bụi rậm, căn cứ quân sự cũ.
- Khi thấy vật lạ nghi là bom mìn, phải tránh xa và báo cho người lớn biết. Khi gặp bom, mìn, lựu đạn, đạn pháo hay vật tình nghi là vật liệu nổ gây sát thương, cần phải làm theo quy trình sau: Tuyệt đối ko chạm vào vật tình nghi; Đánh dấu nguy hiểm tại khu vực đó và kêu gọi sự trợ giúp cảnh giới; Cho ít nhất một người đứng cảnh giới không để người khác lại gần. Người cảnh giới phải đứng sau vật che chắn vững chắc và đảm bảo khoảng cách an toàn; thông báo cho công an phường, xã hoặc xã đội hoặc đơn vị quân đội gần nhất, để họ xử lý vật liệu nổ.
- Tránh xa và không đứng xem người khác cửa, đục, tháo dỡ bom mìn.
- Không tham gia rà tìm và buôn bán phế liệu chiến tranh.



Hình 5.11. Học sinh huyện Gio Linh tham gia ngoại khoá nhận biết một số loại bom mìn



Hình 5.12. Học sinh Quảng Trị hưởng ứng Ngày Thế giới phòng chống bom mìn (4 - 4)

1. Để hạn chế tai nạn do bom mìn gây ra, Nhà nước và công dân cần phải làm gì?
2. Bản thân em đã và đang làm gì để góp phần phòng tránh tai nạn bom mìn?



LUYỆN TẬP

1. Chọn phương án đúng.

- a) Trong các số điện thoại sau, đâu là số của đội rà phá bom mìn thuộc tổ chức RENEW tại tỉnh Quảng Trị?

A. 0233 3554113.

B. 0233 3554111.

C. 0233 3554115.

D. 0233 3554119.

b) Em **không** đồng tình với hành vi nào sau đây? Vì sao?

A. Buôn bán và vận chuyển pháo, thuốc nổ.

B. Rà bom mìn để đem bán phế liệu.

C. Khi phát hiện bom mìn, lập tức báo cho cơ quan chức năng.

D. Cưa, đục, tháo bom, mìn để lấy thuốc nổ.

c) Khi nhìn thấy người khác cưa, đục, chơi đùa với bom mìn, vật liệu chưa nổ, em chọn cách xử lý nào sau đây?

A. Không ngần ngại đến tham gia cùng.

B. Rủ thêm nhiều người cùng tham gia vào hành động đó.

C. Đứng gần hoặc đứng xa để xem.

D. Ngăn cản và báo ngay cho cơ quan chức năng nơi gần nhất.

d) Trong các ý sau đây, đâu là hậu quả của tai nạn bom mìn đối với bản thân, gia đình và xã hội?

A. Đối với bản thân người bị nạn: có thể chết hoặc bị thương và phải chịu di chứng nặng nề về cả thể chất lẫn tinh thần.

B. Đối với gia đình nạn nhân: ảnh hưởng đến tinh thần, đến kinh tế của gia đình.

C. Đối với xã hội: mất đi nhân lực lao động.

D. Cả ba phương án trên.

e) Khi đi vào khu vực ruộng đồng, nương rẫy,... nếu phát hiện có bom mìn, chúng ta nên chọn cách xử lý nào trong các cách sau đây?

A. Thận trọng đi ra khỏi khu vực đó theo đúng lối đã đi vào.

B. Đứng yên, la to cho người khác biết để giúp đỡ.

C. Báo cho chính quyền địa phương biết để xử lý.

D. Cả ba phương án trên.

g) Hành động nào sau đây là nguyên nhân gây nên tai nạn bom mìn?

A. Tác động trực tiếp bằng cơ học lên bom mìn và vật liệu chưa nổ như: cưa, đục, đá, ném, vận chuyển,...

B. Đốt nóng bom mìn và vật liệu chưa nổ.

C. Các nguyên nhân khác như đốt lửa trên vùng đất còn nhiều bom mìn, chơi đùa ở những nơi có thể còn sót lại bom mìn, rà tìm và buôn bán phế liệu chiến tranh.

D. Cả ba phương án trên.

2. Chiến tranh đã lùi xa, Việt Nam đang từng bước xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp. Nhưng trong thời bình, thi thoảng ở đâu đó trên đất nước chúng ta, bom vẫn nổ và cướp đi sinh mạng của những con người vô tội, để lại những nỗi đau dai dẳng. Trên dải đất miền Trung, Quảng Trị là nơi bị nhiễm bom mìn nặng nhất, nó đã và đang đe dọa đến tính mạng của người dân, đặc biệt là trẻ em.

Cho biết:

- a) Nguyên nhân nào dẫn đến tai nạn bom mìn.
b) Để bản thân và mọi người xung quanh không bị tai nạn do bom mìn gây ra, học sinh cần rèn luyện những kĩ năng nào.



VẬN DỤNG

1. Em hãy cùng bạn thiết kế một tờ gấp có nội dung về quy trình phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu chưa nổ để tuyên truyền cho các bạn học sinh trong trường và người dân nơi em ở.
2. Em hãy làm việc nhóm để vẽ một bức tranh về chủ đề tác hại của tai nạn bom mìn, vật liệu chưa nổ để tuyên truyền cho người thân và bạn bè nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn, vật liệu chưa nổ.
3. Giả sử, với mong muốn hướng tới một xã hội văn minh, trường học hạnh phúc, Liên đội trường em tổ chức cuộc thi viết bản tin phát thanh với chủ đề "Tai nạn bom mìn – nỗi lo của toàn xã hội". Em hãy viết bài tham gia cuộc thi trên.

BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
- Phân tích được lợi ích của sự phát triển các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
- Đề xuất được các biện pháp để bảo tồn và phát huy các nghề, làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
- Có hiểu biết về lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
- Có ý thức rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp liên quan đến nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.



MỞ ĐẦU

Trò chơi: nhìn hình ảnh đoán nghề và làng nghề

Chuẩn bị:

- Giáo viên chuẩn bị các hình ảnh về nghề và làng nghề
- Học sinh chuẩn bị giấy A4

Cách chơi:

- Chia lớp thành 4 nhóm.
- Giáo viên lần lượt chiếu hình ảnh về nghề và làng nghề lên tivi hoặc màn chiếu (trong trường hợp không có thiết bị, giáo viên có thể tạo hình ảnh và giơ trước học sinh).
- Trong thời gian 10 giây, các nhóm sẽ ghi tên nghề và làng nghề vào giấy A4. Hết giờ, các nhóm sẽ giơ cao câu trả lời, giáo viên kiểm tra câu trả lời.
- Nhóm nào đoán đúng được nhiều nghề và làng nghề nhất sẽ giành chiến thắng, được thưởng điểm cộng.



KIẾN THỨC MỚI

Quảng Trị là một trong những địa phương đến nay vẫn bảo tồn nhiều nghề, làng nghề truyền thống. Những nghề, làng nghề không chỉ đảm bảo công ăn việc làm, đem

lại nguồn thu nhập cho người dân mà còn là nơi lưu giữ những nét văn hoá truyền thống của cộng đồng dân cư nơi đây. Hiện nay, toàn tỉnh có 53 làng nghề với 66 nghề khác nhau. Có thể kể đến những làng nghề lâu đời và nổi tiếng như: nghề mộc chạm khắc Cát Sơn, nghề mộc làng Gia Độ, nghề nón lá Bồ Liêu, nghề quạt giấy Phương Ngạn, nghề chiếu Lâm Xuân, nghề đan lát đồ tre Lan Đình, nghề làm bún Cẩm Thạch, nghề nấu rượu truyền thống làng Kim Long,... Tuy nhiên, trong xu thế phát triển hiện nay, những làng nghề đang đứng trước những thách thức mới. Do đó, nghề và các làng nghề truyền thống đòi hỏi cần có sự thay đổi để vừa giữ được nghề truyền thống vừa thích ứng với tình hình thực tiễn của đời sống.

I. MỘT SỐ NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở QUẢNG TRỊ

1. Nghề mộc chạm khắc Cát Sơn, Gio Linh

Cát Sơn là một làng ven biển, cư dân ở đây sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thủy hải sản và sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình giao lưu với bên ngoài, nghề mộc chạm khắc xuất hiện ở Cát Sơn và dần trở nên phổ biến. Chính sự kết hợp và học hỏi tay nghề của thợ ngoài Bắc và thợ Huế, những người thợ ở làng Cát Sơn đã phát triển nghề chạm khắc gỗ, chạm khảm xà cừ nổi tiếng nhất vào giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Từ đôi tay khéo léo và óc thẩm mỹ tinh tế, thân gỗ mít và các loại gỗ khác được chế tác, khảm ốc, khảm xà cừ trở thành những bức trướng và sản phẩm gia dụng, mỹ nghệ không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng mà còn mang giá trị văn hoá, trang trí. Hiện nay, có hai bức trướng chạm khắc gỗ mang dòng chữ “Thượng đẳng tối Linh” đang được lưu giữ ở Bảo tàng Quảng Trị, thể hiện đỉnh cao của làng nghề Cát Sơn. Cùng với những sản phẩm truyền thống, các nghệ nhân Cát Sơn không ngừng sáng tạo, cải tiến mẫu mã đa dạng phù hợp nhu cầu và thị hiếu của xã hội như phù điêu, câu đối gỗ, tượng trang trí, đồ thờ cúng,...

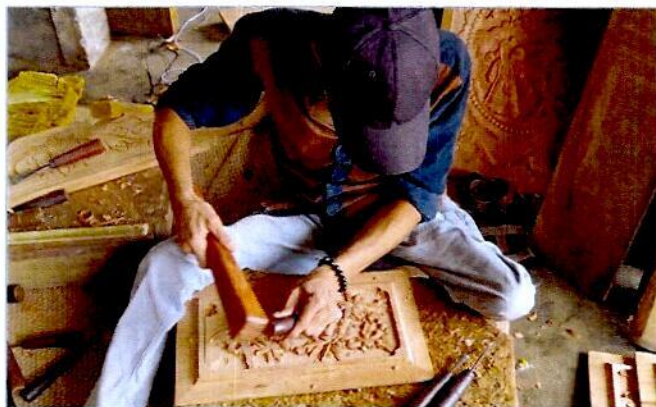


Hình 6.1. Làng nghề chạm mộc khắc Cát Sơn

2. Nghề mộc làng Gia Độ, Triệu Phong

Cùng với Cát Sơn, nghề mộc làng Gia Độ là một trong những làng nghề có truyền thống lâu đời ở Quảng Trị. Với nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương, bằng sự khéo léo, cần cù, những người thợ ở đây đã chế tác, sản xuất ra nhiều sản phẩm mộc dân

dụng được khách hàng ưa chuộng và nổi tiếng khắp cả nước. Nếu ở Cát Sơn, nghề chạm khắc nổi tiếng, thì làng Gia Độ có truyền thống tạo dựng, lắp ghép các ngôi nhà rường nổi tiếng trên đất Quảng Trị. Hiện nay các ngôi nhà rường vẫn còn chứa đựng các giá trị kiến trúc, văn hoá rất đặc trưng, thu hút sự quan tâm của du khách mỗi lần tham quan Quảng Trị.

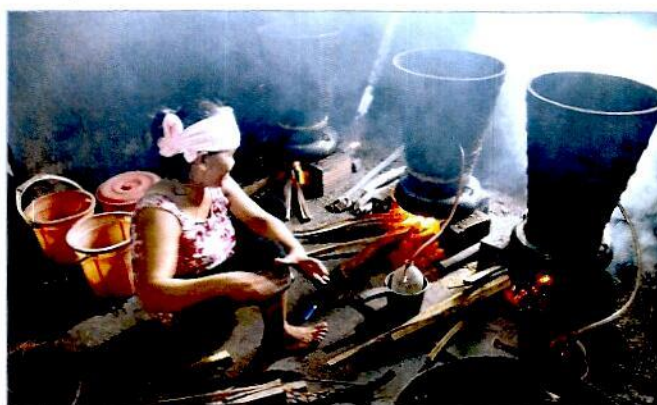


Hình 6.2. Nghề mộc làng Gia Độ, Triệu Phong

3. Nghề nấu rượu truyền thống làng Kim Long, Hải Lăng

Từ xa xưa, Kim Long vốn rất nổi tiếng với nghề nấu rượu. Rượu Kim Long có hương vị đặc trưng, được ghi lại trong các bộ chính sử Triều Nguyễn, xem là “Thổ sản”. Làm nên hương vị không thể lẫn vào đâu của rượu Kim Long, bên cạnh dụng cụ nấu rượu truyền thống là “bí quyết” gia truyền và kinh nghiệm được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nguồn nguyên liệu đặc biệt dùng để chưng cất rượu Kim Long là gạo, nước và men. Nguồn nước tự nhiên trong và sạch, hạt gạo được chọn lọc kĩ càng từ những cánh đồng có thổ nhưỡng và khí hậu đặc trưng, men tự nấu theo công thức “bí truyền” phù hợp với thời tiết địa phương, từ đó có sự kết hợp làm nên sản phẩm rượu đặc trưng.

Rượu Kim Long được nhiều nơi ưa chuộng không chỉ bởi hương vị mà còn độ an toàn cao. Ngày nay, với phương pháp nấu rượu hiện đại, xuất hiện một số loại men từ nơi khác đưa về, khiến nghề nấu rượu truyền thống ở Kim Long có nguy cơ mai một và không giữ được nét đặc sắc vốn có.



Hình 6.3. Nghề nấu rượu truyền thống Kim Long

4. Làng nghề nón lá Bồ Liêu, Triệu Phong

Cũng như một số làng khác ở huyện Triệu Phong, do diện tích đất nông nghiệp ít, để mưu sinh, người dân ở làng Bồ Liêu phải làm thêm một số nghề khác. Nghề làm nón đã xuất hiện từ lâu trong đời sống của cư dân nơi đây. Dù được xem là “nghề phụ” những lúc nông nhàn, nhưng có thời điểm, nghề này đã mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân Bồ Liêu hơn cả nghề trồng lúa. Nghề làm nón có thể huy động sức lao động của cả người già và trẻ nhỏ, làm quanh năm, ngay cả khi thời tiết mưa bão, người dân quây quần bên nhau cùng chăm nón, cùng trò chuyện, chia sẻ câu chuyện vui buồn. Nhờ đó, tính cố kết cộng đồng, gia đình được thắt chặt.

Những chiếc nón từ ngôi làng này đã toả đi nhiều vùng quê và rất được người nông dân ưa chuộng bởi nét sắc sảo và độ bền chắc của sản phẩm. Cũng như nhiều làng nghề truyền thống khác, nghề làm nón cũng đứng trước nhiều khó khăn bởi sản phẩm ít được sử dụng hơn trước, thị trường tiêu thụ theo đó cũng thu hẹp dần. Tuy vậy, người dân Bồ Liêu vẫn kiên trì giữ nghề truyền thống của cha ông như một nét văn hoá của vùng đất.



Hình 6.4. Nghề nón lá Bồ Liêu, Triệu Phong

5. Nghề quạt giấy Phương Ngạn, Triệu Phong

Phương Ngạn là một làng cổ thuộc xã Triệu Long, huyện Triệu Phong. Ngoài việc lưu giữ các giá trị truyền thống, làng cổ này nổi tiếng với nghề làm quạt giấy. Nghề làm quạt giấy đã gắn bó với đời sống người dân nơi đây qua nhiều thế hệ. Có thời điểm, nghề này mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân bên cạnh nghề nông. Nguyên liệu dùng để làm quạt giấy dễ kiếm, có sẵn từ các loại tre nứa trồng khá nhiều trong làng và những làng lân cận. Nghề tưởng chừng như đơn giản nhưng lại đòi hỏi sự công phu, tỉ mỉ của người thợ với nhiều công đoạn. Ngày nay, những chiếc quạt giấy cầm tay ít được dùng



Hình 6.5. Nghề làm quạt giấy Phương Ngạn

bởi sự phổ biến của quạt máy hay điều hoà. Thu nhập mang lại từ nghề này trở nên ít ỏi, không đảm bảo cuộc sống. Chính vì vậy, làng nghề này đang dần mai một, nhiều hộ gia đình đã bỏ hẳn nghề, chuyển sang nghề khác.

6. Nghề đan lát đồ tre Lan Đình, Gio Linh

Nghề đan lát đồ tre là một trong ít nghề truyền thống ở Quảng Trị vẫn còn được duy trì và tồn tại dù trải qua nhiều biến đổi, thăng trầm của cuộc sống. Cư dân Lan Đình đã tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương là tre nứa để làm nên những đồ gia dụng như rổ, rá, trệt, gàu, nôi, thúng, mủng, dầm, sàng, oi, nò, nơm,... phục vụ cho đời sống sinh hoạt hàng ngày cũng như kiếm thêm nguồn thu nhập. Quy trình chế tác một sản phẩm khá phức tạp từ khâu chọn nguyên vật liệu đến các công đoạn chẻ, vót, đan, dát, lện/ nẹp, nức. Mỗi khâu đòi hỏi sự kiên trì và khéo léo của người thợ để làm ra các sản phẩm không chỉ hữu dụng mà còn đảm bảo an toàn và tính thẩm mỹ. Ngày nay, với sự xuất hiện của đồ nhựa tiện dụng, nhiều mẫu mã, cùng với các thiết bị máy móc thay thế lao động thủ công, các vật dụng từ tre đan lát đang dần biến mất trong đời sống sinh hoạt, hoạt động sản xuất ở các vùng quê. Đồng thời, cũng như hầu hết các sản phẩm truyền thống ở Quảng Trị, các đồ gia dụng từ đan lát chưa được đăng kí nhãn hiệu, thị trường tiêu thụ hẹp. Điều này khiến cho nghề truyền thống này gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thị trường bên ngoài.



Hình 6.6. Nghề đan lát tre Lan Đình

II. LỢI ÍCH CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở QUẢNG TRỊ

– Các nghề và làng nghề truyền thống đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động địa phương. Với đặc tính của cư dân nông nghiệp trồng lúa và hoa màu, diện tích đất hẹp, thời gian nhàn rỗi khá nhiều, việc phát triển các nghề truyền thống giúp người dân địa phương có thu nhập ổn định. Có những thời điểm, các nghề truyền thống phát triển mạnh, thu nhập của người dân dựa phần lớn từ việc sản xuất và buôn bán các sản phẩm từ nghề truyền thống. Các làng nghề tận dụng tối đa nguồn nhân lực của địa phương, trong đó có người già, người có sức khoẻ yếu có thể tham gia vào các công việc phù hợp như đan lát, làm quạt giấy, làm nón lá,...

– Tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương như tre nứa và các nông sản, các làng nghề truyền thống vừa giữ được những nét đặc trưng vùng miền vừa phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng miền. Với nguồn nguyên liệu này, cư dân các làng nghề có thể chủ động trong việc sản xuất, đặc biệt trong khâu lựa chọn nguyên liệu phù hợp để làm ra các sản phẩm chất lượng và giá thành hợp lí.

– Các làng nghề cũng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giảm dần tỉ trọng nông nghiệp và tăng dần tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ. Các làng nghề ra đời trong bối cảnh nông nghiệp truyền thống, ban đầu sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ cho đời sống sinh hoạt, lao động trong các hộ gia đình, sau đó mở rộng buôn bán ra các làng xã xung quanh và các tỉnh thành trong cả nước. Một số làng nghề đã bắt đầu áp dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật và máy móc trong quá trình sản xuất, góp phần thúc đẩy công nghiệp phát triển. Các dịch vụ liên quan như dịch vụ vật liệu và tiêu thụ sản phẩm cũng có cơ hội phát triển. Bên cạnh đó, một số làng nghề cũng trở thành địa điểm tham quan du lịch kết hợp với cảnh quan và văn hoá đặc sắc. Nhờ vậy, một số dịch vụ cũng được đầu tư phát triển để phục vụ du khách.

– Việc lưu giữ các nghề và làng nghề truyền thống góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương. Làng nghề truyền thống không chỉ đảm bảo về lợi ích kinh tế mà còn lưu giữ những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Các làng nghề ra đời trên cơ sở của cộng đồng cư dân đã quần tụ và gắn bó từ mấy trăm năm. Không gian làng nghề gắn với cảnh quan tự nhiên, sinh thái làng quê cùng với di tích văn hoá, lịch sử của địa phương. Bên cạnh đó, những sản phẩm của làng nghề được kết tinh từ các nguyên liệu truyền thống, những tri thức dân gian bản địa, những giá trị văn hoá dân tộc và địa phương. Do vậy, việc bảo tồn và phát huy các làng nghề góp phần giúp các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc và địa phương được xây dựng và lưu giữ qua nhiều thế hệ.

III. BIỆN PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở QUẢNG TRỊ

Xây dựng quy hoạch tổng thể các nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với việc xây dựng nông thôn mới. Thực chất đây là quá trình tái cơ cấu các làng nghề. Đối với các làng nghề mà sản phẩm còn phù hợp và có thị trường tiêu thụ cần được hỗ trợ đầu tư, khôi phục, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh.

Xây dựng nguồn nhân lực ổn định cho các làng nghề. Các làng nghề chủ yếu tận dụng nguồn nhân lực dồi dào, nhàn rỗi, vì vậy tính chất ổn định chưa cao. Nhìn chung, các làng nghề truyền thống ở Quảng Trị đang thiếu nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có tay nghề cao, thợ tạo mẫu. Các nghệ nhân ngày càng già yếu và mỏng dần bởi tuổi tác, trong khi lực lượng trẻ lại không mấy thiết tha với nghề truyền thống do thu nhập thấp và không ổn định. Vì vậy, cần phải đầu tư xây dựng nguồn nhân lực đủ

về số lượng và đảm bảo chất lượng bằng cách tìm các nguồn tiêu thụ sản phẩm, nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

Đầu tư nguồn nguyên liệu ổn định tại chỗ. Nguyên liệu sản xuất của các làng nghề ở Quảng Trị chủ yếu là khai thác tự nhiên như tre nứa, gỗ hoặc từ sản phẩm nông nghiệp sẵn có. Để tránh tình trạng khai thác ồ ạt dẫn đến nguy cơ tận diệt, cần phải có kế hoạch khai thác hợp lý. Không những vậy, cần đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu hoặc liên kết những đối tác sản xuất nguyên liệu ở các địa phương lân cận.

Tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm. Với thách thức không nhỏ từ sự phát triển, nhiều sản phẩm của làng nghề không còn đáp ứng nhu cầu của đời sống, khiến đầu ra vô cùng khó khăn. Đối với những sản phẩm vẫn còn tiềm năng tiêu thụ cần nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới, cải tiến phù hợp với thị hiếu và nhu cầu thị trường. Để cạnh tranh và giữ vị thế trên thị trường, các làng nghề phải biết kết hợp giữa truyền thống và công nghệ hiện đại. Một mặt, các làng nghề cần giữ các tri thức và kinh nghiệm dân gian trong quá trình sản xuất, đảm bảo các sản phẩm giữ được nét đặc trưng vùng miền. Mặt khác, cần áp dụng thành tựu khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dẫn tiến tới xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

Phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng bền vững. Một số làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong một số khâu đoạn sản xuất cần có sự liên kết với các làng nghề có nguy cơ tương tự tạo thành các cụm công nghiệp làng nghề, bố trí tách biệt với khu dân cư, đồng thời xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm. Có như vậy, các làng nghề truyền thống mới thực sự phát triển bền vững.

Đầu tư, phát triển làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm. Giải pháp này vừa góp phần bảo tồn, phát triển làng nghề, mở rộng thị trường và nhiều cơ hội thúc đẩy quá trình sản xuất, vừa lưu giữ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống trong mỗi làng nghề. Các làng nghề tận dụng hệ sinh thái làng quê gắn với cảnh quan tự nhiên, di tích lịch sử, văn hoá, tạo thành địa điểm du lịch làng nghề hấp dẫn, đặc trưng.

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, bổ sung và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ đối với các làng nghề truyền thống trong tỉnh. Đặc biệt trong đó cần đổi mới các chính sách tài chính, tín dụng, mặt bằng, thông tin nhằm hỗ trợ và tăng cường nguồn lực vững chắc cho các làng nghề yên tâm phát triển.

IV. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA BẢN THÂN GẮN VỚI NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở QUẢNG TRỊ

Hiện nay, ở Quảng Trị, số lượng các làng nghề, sự phong phú trong các lĩnh vực nghề, tiềm năng phát triển nghề và làng nghề, nét đặc sắc trong văn hoá nghề tạo điều kiện tốt để có thể định hướng nghề nghiệp cho học sinh gắn với nghề và làng nghề truyền thống.

Các bước định hướng nghề nghiệp:

Bước 1. Tìm hiểu lĩnh vực nghề nghiệp

– Tham quan, tìm hiểu về lịch sử, đặc trưng, các hoạt động sản xuất của các làng nghề, từ đó có những hiểu biết ban đầu về truyền thống và mô hình hoạt động trong các lĩnh vực nghề. Từ đó, có những nhận thức về quy luật tất yếu của sự ra đời nghề và các làng nghề trên cơ sở đặc trưng văn hoá, lịch sử, truyền thống, điều kiện kinh tế địa phương, cũng như lan toả tình yêu đối với truyền thống văn hoá dân tộc và địa phương,...



Hình 6.7. Học sinh trải nghiệm nghề làm nón lá

– Tìm hiểu thông tin, đặc trưng, yêu cầu riêng của nghề; các điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, phẩm chất và năng lực cần có của người lao động khi làm việc tại các vị trí đối với các lĩnh vực nghề.

– Cảm nhận chất lượng, đánh giá mẫu mã sản phẩm, cách thức tiếp thị, bán sản phẩm, so sánh sản phẩm của cơ sở nghề trong làng nghề, từ đó dần hình thành nhận thức về cơ chế cạnh tranh, sự tương tác, hỗ trợ của các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau.

– Nhận định về giá trị của các sản phẩm làng nghề đối với sự thiết yếu của cuộc sống con người, với sự phát triển kinh tế – xã hội ở Quảng Trị; từ đó nhận định về xu hướng phát triển làng nghề, về thị trường lao động, về nhu cầu sử dụng lao động đối với nhóm nghề.

Bước 2. Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp

Từ các thông tin trong quá trình thâm nhập, tìm hiểu nghề và làng nghề truyền thống, từng bước nhận thức, đánh giá được sự phù hợp của bản thân đối với các nghề:

– Phát hiện điểm yếu, điểm mạnh của bản thân đối với việc đáp ứng yêu cầu làm việc trong lĩnh vực chuyên môn của nghề.

– Tìm hiểu những yếu tố phẩm chất và năng lực của bản thân cần rèn luyện phù hợp với nghề, nhận định về sự phù hợp, không phù hợp của bản thân đối với các nghề; định hướng các nghề phù hợp với sở thích, phẩm chất, năng lực bản thân.

– Nhận định khó khăn, thuận lợi của bản thân trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực theo lĩnh vực nghề nghiệp.

Bước 3. Lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp

– Kết hợp hiểu biết về các nghề truyền thống (sự hình thành, phát triển, nơi lưu giữ các giá trị văn hoá dân tộc và địa phương,...), hình thành động cơ chọn nghề với tinh thần lưu giữ nét văn hoá truyền thống.

- Tìm hiểu các trường đào tạo chuyên môn của lĩnh vực nghề nghiệp.
- Lập kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kĩ năng cần có để đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực nghề nghiệp.
- Tạo động lực, hình thành các ý tưởng mới để phát triển nghề và làng nghề phù hợp với xu hướng xã hội hiện nay.



LUYỆN TẬP

1. Em hãy trình bày những nét khái quát về các nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
2. Việc phát triển nghề và làng nghề truyền thống mang lại những giá trị gì cho người dân?
3. Theo em, nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị đang đứng trước những khó khăn nào?
4. Việc trải nghiệm thực tế từ các làng nghề truyền thống góp phần như thế nào trong quá trình định hướng nghề nghiệp tương lai?



VẬN DỤNG

1. Viết bài văn thuyết minh hoặc dựng video clip ngắn giới thiệu về nghề hoặc làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
2. Xây dựng bộ sưu tập tranh ảnh các nghề và làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.
3. Xây dựng ý tưởng dự án khởi nghiệp từ các sản phẩm hiện có tại các làng nghề truyền thống ở Quảng Trị.

Chủ đề 7

HỌC SINH TỈNH QUẢNG TRỊ VỚI VIỆC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MA TUÝ

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận diện được một số loại ma túy, chất gây nghiện cơ bản.
- Nêu thực trạng, nguyên nhân, tác hại của tệ nạn ma túy tại tỉnh Quảng Trị và cách phòng chống ma túy.
- Liên hệ được trách nhiệm của bản thân trong việc công tác phòng, chống ma túy.



MỞ ĐẦU

Thời gian qua, tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Trị diễn biến phức tạp, tình trạng sử dụng, mua bán ma túy trên khu vực biên giới và trong toàn tỉnh đang có chiều hướng gia tăng. Tội phạm ma túy đang diễn biến hết sức phức tạp. Số người nghiện ma túy, số vụ buôn bán, vận chuyển ma túy từ Lào về Việt Nam trên tuyến biên giới qua địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày càng tăng; tội phạm hoạt động tinh vi, khó kiểm soát,... ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở các địa phương trên tuyến biên giới. Vì vậy, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn ma túy là trách nhiệm hết sức quan trọng của toàn xã hội.

Kể tên một số “điểm nóng” về tệ nạn ma túy ở tỉnh Quảng Trị mà em biết và thử đề xuất các biện pháp để phòng, chống tệ nạn này.



KIẾN THỨC MỚI

I. MA TUÝ, MỘT SỐ LOẠI MA TUÝ, CHẤT GÂY NGHIỆN THƯỜNG GẶP

1. Ma túy, chất gây nghiện là gì?

Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ làm thay đổi trạng thái tâm sinh lý của người sử dụng. Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành.

Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

1. Cho biết điểm giống nhau giữa ma túy và chất gây nghiện.
2. Kể tên một số loại ma túy mới xâm nhập vào môi trường học đường hiện nay.

2. Các dạng ma túy cơ bản

Có thể phân loại ma túy thành các dạng sau:

– *Ma túy tự nhiên*: Đây là các chất ma túy có sẵn trong tự nhiên, là alkaloid của một số thực vật như: cây thuốc phiện (anh túc), cây cần sa (cây gai dầu), cây côca (cocain).

– *Ma túy bán tổng hợp*: Là các chất ma túy được tổng hợp một phần từ một số loại ma túy có sẵn trong tự nhiên, có tác dụng mạnh hơn chất ma túy ban đầu như: morphin, heroin.

– *Ma túy tổng hợp*: Là nhóm các chất ma túy không có trong tự nhiên. Ma túy tổng hợp được tổng hợp nên từ các loại hoá chất (được gọi là tiền chất) như: amphetamine, MDMA, ecstasy, ma túy đá,...



Hình 7.1



Hình 7.2



Hình 7.3



Hình 7.4



Hình 7.5



Hình 7.6

Một số loại ma túy cơ bản

Quan sát các hình từ 7.1 đến 7.6, cho biết tên loại ma túy cơ bản trong mỗi hình.

Dựa theo tác động lên thần kinh trung ương, ma túy được phân thành ba nhóm:

– Nhóm gây ức chế hệ thần kinh trung ương: Nhóm này khi sử dụng gây ra trạng thái buồn ngủ, làm giảm nhịp tim, ức chế hô hấp. Nhóm này gồm thuốc phiện, nguồn gốc thuốc phiện (morphin, heroin, cocain,...), các thuốc an thần gây ngủ (seduxen, phenobarbital).

– Nhóm gây kích thích thần kinh trung ương: Nhóm này gồm amphetamin và các dẫn xuất. Khi sử dụng gây tăng hoạt động, tăng nhịp tim, tăng hô hấp.

– Nhóm gây ảo giác: Nhóm này gây ra sự thay đổi về nhận thức và môi trường xung quanh, nghe thấy những âm thanh không có thực. Bao gồm các loại như LSD (bùa lười), thuốc lắc, cần sa,...

Ngoài ra, hiện nay còn xuất hiện một số loại ma túy biến tướng, các sản phẩm bánh, kẹo, bột hoà tan,... có chứa chất ma túy "thấm lậu"⁽¹⁾ vào môi trường học đường như:

(1) Thấm lậu: Lọt qua trái phép từng ít một, rất khó kiểm soát.

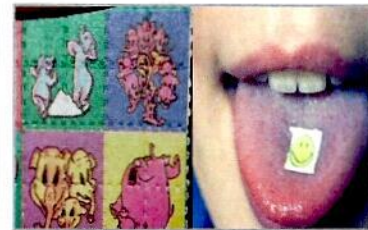
ma túy gắn mác “nước vui”, trà sữa, ma túy gắn mác tem giấy (hay bùa lưỡi), kẹo dẻo cần sa, kẹo mút ma túy, sôcôla cần sa, nước xoài cần sa, bánh lưỡi, ma túy trà sữa, nấm ma túy,... Đây là những loại ma túy núp bóng thực phẩm mới, gây tác hại khôn lường, đang xâm nhập vào môi trường học đường.



Hình 7.7. Ma túy nước vui



Hình 7.8. Ma túy trà sữa



Hình 7.9. Ma túy tem giấy

II. THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI CỦA TỆ NẠN MA TUÝ TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Tệ nạn ma túy là gì?

Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong đó, nghiện ma túy là trạng thái ngộ độc kinh niên hay từng thời kì do sử dụng lặp đi lặp lại một hay nhiều lần ma túy, làm cho người nghiện ham muốn không tự kiểm chế được mà bằng mọi giá phải tiếp tục sử dụng, gây xu hướng tăng dần liều lượng, gây ra sự lệ thuộc cả về tâm lí và thể chất, gây hại cho chính người nghiện và xã hội. Nghiện ma túy là một tệ nạn xã hội cần được loại bỏ càng nhanh càng tốt.

2. Thực trạng tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị là tỉnh có 206 km đường biên giới trên đất liền giáp với hai tỉnh Sa-là-van và Sa-va-na-khệt của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, có Quốc lộ 1 nối liền Quảng Trị với các tỉnh ở cả phía Bắc lẫn phía Nam và Quốc lộ 9, là đoạn giữa của hành lang kinh tế Đông – Tây, nối Mi-an-ma – Thái Lan – Lào – Lao Bảo – Đông Hà – Huế – Đà Nẵng. Bên cạnh những thuận lợi thì đặc điểm về vị trí địa lí đó cũng là nguyên nhân dẫn đến việc Quảng Trị trở thành một trong những địa bàn trọng điểm của tệ nạn ma túy.⁽²⁾



Hình 7.10. Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị phối hợp bắt giữ tội phạm buôn bán ma túy

(2) Nguồn: <http://pcmt.ubdt.gov.vn/2012-08-16/2f9871804c5d3322938a97a919e9ee20-cema.htm>

Thời gian qua, tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Trị diễn biến hết sức phức tạp, xuất hiện nhiều đối tượng trong và ngoài tỉnh móc nối với tội phạm nước ngoài, tổ chức thành đường dây đưa ma túy từ vùng biên giới Lào xâm nhập vào địa phương. Số người nghiện và sử dụng trái phép chất ma túy có xu hướng gia tăng và trẻ hoá, đặc biệt là tại các trung tâm đô thị và vùng đồng bào thiểu số. Chỉ trong vài năm, Quảng Trị từ một tỉnh nhỏ có ít đối tượng nghiện ma túy, đến nay, toàn tỉnh đã có 101/125 xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy với hơn 1 700 người nghiện và sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý, trong đó, người dưới 30 tuổi chiếm hơn 70%⁽³⁾. Từ năm 2016 đến nay, cơ quan chức năng đã bắt giữ trên 500 vụ với hơn 1 100 đối tượng phạm tội tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ trên 80,2054 g heroin; 119 942 viên ma túy tổng hợp; 1 719,7116 g cần sa,... Cơ quan Công an đã khởi tố trên 200 vụ với hơn 260 bị can; xử lý hành chính 270 vụ với 822 đối tượng; triệt xoá hơn 20 điểm phức tạp về ma túy,...

Tính riêng thành phố Đông Hà vào năm 2016, số con nghiện có trong hồ sơ quản lý là 307 đối tượng; đến năm 2020 tăng lên 366 đối tượng; 9/9 phường đều có con nghiện. Huyện Hướng Hoá tăng từ 247 lên đến 700 đối tượng; 19/21 xã, thị trấn có con nghiện. Tính đến tháng 5 – 2021, toàn huyện Hướng Hoá có khoảng 700 người sử dụng ma túy, tập trung chủ yếu ở các xã, thị trấn giáp biên giới như Lao Bảo, Tân Thành, Tân Long, Thanh, Thuận, Lìa và các xã, thị trấn trên tuyến Quốc lộ 9. Hầu hết đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đều ở lứa tuổi thanh thiếu niên, đáng chú ý có một số người đang là học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông.⁽⁴⁾

Đọc thông tin mục 2 và trả lời câu hỏi:

1. Vì sao tỉnh Quảng Trị là một trong những địa bàn trọng điểm của tệ nạn ma túy?
2. Tội phạm và tệ nạn ma túy xâm nhập vào tỉnh Quảng Trị bằng con đường nào?
3. Tại sao đối tượng nghiện hút ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Trị lại tập trung chủ yếu ở khu vực giáp biên giới?

3. Nguyên nhân của tệ nạn ma túy

– *Nguyên nhân từ bản thân*: Do ham chơi, lười biếng, thích đua đòi, hưởng thụ; do tâm lý lứa tuổi chưa ổn định, thiếu tự tin, dễ dao động, dễ bị rơi vào các trạng thái quá khích, ức chế hoặc hưng phấn quá độ, bị kích động; muốn chứng tỏ mình là người sành điệu; thích tò mò, muốn tìm cảm giác lạ; bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo; do trình độ học vấn thấp, thiếu hiểu biết; thất nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định dẫn đến tâm lý chán chường; do lạm dụng các thuốc giảm đau khi chữa bệnh hoặc có vấn đề sức khoẻ tâm thần;...

– *Nguyên nhân từ gia đình*: Gia đình không hoà thuận, cha mẹ có mối quan hệ phức tạp như: li thân, li hôn, nghiện ma túy, buôn bán ma túy,...; gia đình có điều kiện

(3) Nguồn: <https://laodong.vn/ban-doc/quang-tri-nguoi-tre-su-dung-ma-tuy-tang-co-ca-hoc-sinh-trung-hoc-co-so-913052.lido>

(4) Nguồn: <https://laodong.vn/ban-doc/quang-tri-nguoi-tre-su-dung-ma-tuy-tang-co-ca-hoc-sinh-trung-hoc-co-so-913052.lido>

kinh tế khá giả nhưng lại nuông chiều thái quá để con em có điều kiện giao du, chơi bời với các đối tượng xấu; cha mẹ quá chú trọng đến việc làm ăn, buông lỏng quản lý, ít quan tâm đến con cái; cha mẹ sao nhãng trách nhiệm giáo dục, hướng dẫn con em, ỷ lại, giao khoán việc giáo dục con em cho nhà trường và xã hội.

– *Nguyên nhân từ xã hội*: Pháp luật chưa nghiêm, các chế tài chưa đủ mạnh; thiếu các sân chơi lành mạnh cho nhu cầu vui chơi, giải trí của thanh thiếu niên; các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tệ nạn ma túy chưa nhiều, hiệu quả chưa cao.

Đọc thông tin mục 3 và trả lời câu hỏi:

1. Hiện nay vẫn còn tình trạng một vài gia đình vì sĩ diện cá nhân, vì danh dự gia đình, dòng tộc mà bưng bít, giấu kín việc con cái nghiện ma túy, dẫn đến hậu quả con em mình ngày càng nghiện nặng hơn. Em có đồng tình với suy nghĩ và hành động của các gia đình đó không? Vì sao?
2. Vì sao nhiều gia đình có hoàn cảnh khá giả nhưng con cái của họ lại dễ bị sa vào tệ nạn ma túy?
3. Theo em, việc thiếu các sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên có phải là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn ma túy ở lứa tuổi này không? Vì sao?

4. Tác hại của ma túy và tệ nạn ma túy

– *Đối với bản thân*: Gây tổn hại về sức khỏe, tác động tiêu cực đến các cơ quan trong cơ thể như hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn; gây ra các bệnh về da; làm suy giảm chức năng thải độc, dẫn đến tình trạng suy nhược toàn thân, suy giảm sức lao động. Nghiện ma túy dẫn đến nhiễm độc ma túy mãn tính, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm, nước da tái xám, dáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét do suy kiệt hoặc phù nề do thiếu dinh dưỡng; làm rối loạn nhịp sinh học, gây ra tình trạng thức đêm ngủ ngày, sức khỏe giảm sút rõ rệt. Người nghiện ma túy bị suy giảm sức lao động, giảm hoặc mất khả năng lao động và khả năng tập trung trí óc. Trường hợp sử dụng ma túy quá liều còn có thể gây chết đột ngột.

– *Đối với gia đình*: Làm ảnh hưởng và có thể dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình: làm cho kinh tế gia đình suy kiệt; ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình;...

– *Đối với xã hội*: Nhà nước phải chi phí hàng ngàn tỉ đồng cho việc xóa bỏ cây thuốc phiện, cho công tác cai nghiện ma túy, công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Ma túy cũng làm suy giảm lực lượng lao động của gia đình và xã hội cả về số lượng và chất lượng; làm giảm thu nhập quốc dân, trong khi chi phí cho dự phòng và chăm sóc y tế lại tăng; ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài và khách du lịch. Ma túy là nguyên nhân làm nảy sinh và gia tăng tình hình tội phạm trong nước, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự (trộm, cướp, buôn bán ma túy, buôn bán người, khủng bố,...); là nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh, phát triển các tệ nạn xã hội khác (mại dâm, cờ bạc,...).⁽⁵⁾

(5) Nguồn: <https://laodong.vn/suc-khoe/ma-tuy-va-nhung-tac-hai-khung-khiiep-den-suc-khoe-con-nguoi-979020.laod>



Hình 7.11. Tranh minh họa tác hại của ma túy

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

T.X.H là một trong 278 học viên tại Cơ sở cai nghiện số 6 (xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Khi trả lời phỏng vấn: “Bạn có chắc chắn mình bỏ được ma túy không?”, H ngập ngừng: “Em không dám hứa nhưng sẽ cố gắng hết sức.” “Khi vướng vào ma túy, bạn đã mất những gì?”. “Gia đình, bạn bè và chính bản thân mình.” – H đáp.

H chia sẻ: “Nếu có cơ hội được quay ngược thời gian, em sẽ không bao giờ động vào ma túy nữa.”

Đây là lần thứ ba H quay trở lại trại cai nghiện. Lần đầu tiên đi cai nghiện là năm H bước sang tuổi 18.⁽⁶⁾

1. Từ câu chuyện của H, em có suy nghĩ gì về tác hại của ma túy?

2. Theo em, ma túy có ảnh hưởng như thế nào đến gia đình của người nghiện ma túy?



III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MA TÚY

Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy. Những tác hại và hậu quả của ma túy vẫn đang tác động và gây ảnh hưởng đến tất cả chúng ta từng ngày, từng giờ.

Chung tay đẩy lùi ma túy và giảm thiểu tác hại của ma túy không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước hay các tổ chức liên quan đến việc phòng chống ma túy mà còn là trách nhiệm của mỗi học sinh. Để thực hiện trách nhiệm đó, học sinh cần:

- Không tham gia sử dụng, vận chuyển, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.
- Không xúi giục người khác tham gia vào tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác.
- Khi phát hiện những cá nhân, tổ chức có liên quan đến ma túy, cần báo ngay cho cơ quan công an và lực lượng chức năng nơi gần nhất để kịp thời xử lý.

(6) Nguồn: <https://vov.vn/emagazine/vuong-vao-ma-tuy-toi-mat-gia-dinh-ban-be-va-chinh-ban-than-minh-904241.vov>



Hình 7.12. Tranh cổ động phòng, chống ma túy

– Quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ những người cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng. Không kì thị, xa lánh người cai nghiện.

– Tích cực học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm ứng phó kịp thời với những tình huống có thể xảy ra. Chủ động tìm hiểu về tác hại của ma túy thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua cộng đồng để có nhận thức đúng đắn về tác hại của ma túy.

– Tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy tại trường học, địa phương nơi cư trú; tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay phòng tránh ma túy.

– Tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ để giải trí, vui chơi lành mạnh, bổ ích đối với từng lứa tuổi; rèn luyện sức khoẻ thể chất và tinh thần, không ngừng học tập, rèn luyện để đề kháng trước tệ nạn ma túy.

– Chủ động phối hợp cùng nhân dân và các lực lượng, cơ quan chức năng trong vấn đề tố giác tội phạm ma túy.



LUYỆN TẬP

1. Chọn phương án đúng nhất.

a) Ma túy thường được chia làm ba dạng cơ bản, đó là:

A. ma túy tự nhiên, ma túy gây ảo giác, ma túy tổng hợp.

B. ma túy tự nhiên, ma túy bán tổng hợp, ma túy tổng hợp.

C. ma túy gây ức chế hệ thần kinh trung ương, ma túy bán tổng hợp, ma túy tổng hợp.

D. ma túy tổng hợp, ma túy gây kích thích thần kinh trung ương, ma túy gây ảo giác.

- b) Theo Luật phòng, chống ma túy năm 2021, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?
- Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.
 - Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.
 - Kì thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.
 - Cả 3 hành vi trên.
- c) Khi phát hiện có người trồng cây thuốc phiện, em nên chọn cách ứng xử nào sau đây?
- Tuyên truyền cho người dân hiểu tác hại của cây thuốc phiện và vận động người trồng phá bỏ.
 - Cung cấp kịp thời thông tin về việc trồng cây thuốc phiện cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Không quan tâm vì đó không phải là việc của mình.
 - Cả câu A và B.
- d) Trong các ý sau đây, đâu là trách nhiệm của cá nhân và gia đình trong phòng, chống ma túy?
- Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình và người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lí, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
 - Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia công tác xoá bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.
 - Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.
 - Tất cả các ý trên.
2. Trong các ý kiến sau đây, ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai? Vì sao?
- Người nghiện ma túy thường dẫn đến sức khoẻ bị suy yếu.
 - Học sinh nghiện ma túy sẽ không gây ảnh hưởng gì đến kết quả học tập.
 - Nếu lỡ nghiện ma túy thì nên dừng ngay việc sử dụng và cố gắng cai nghiện.
 - Cần kiên quyết từ chối khi bị người khác rủ rê sử dụng ma túy.
 - Tiêm chích ma túy không thể làm lây truyền HIV/AIDS.
 - Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của tất cả mọi người.

3. Trình bày những dấu hiệu để nhận biết một học sinh nghiện ma túy. Cho biết tác hại của ma túy và cách phòng tránh.
4. Em sẽ ứng xử như thế nào nếu gặp những trường hợp sau?
 - a) Phát hiện gia đình hàng xóm trồng cây có chứa chất ma túy.
 - b) Thấy bạn cùng lớp hoặc người thân của em sử dụng ma túy.
 - c) Có người dụ dỗ, lôi kéo em sử dụng ma túy.
 - d) Em biết một người mình quen đang tham gia buôn bán, vận chuyển ma túy.
5. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

K là con gái út trong một gia đình giàu có. Được cha mẹ chiều chuộng nên K bỏ học, đua đòi ăn chơi và bị bạn bè rủ rê sử dụng ma túy. Lần đầu chỉ thử cho biết, rồi K nghiện nặng lúc nào không hay. Mặc dù hiểu rõ sự nguy hiểm của ma túy nhưng K vẫn sử dụng vì muốn chứng tỏ sự sành điệu và nghĩ mình có thể dừng lại khi cần thiết. K thường xuyên chích ma túy chung với bạn bè. Trong đợt xét nghiệm vừa qua, K đã phát hiện mình bị nhiễm HIV, lúc này K mới chỉ vừa tròn 16 tuổi.

- a) Vì sao K bị nghiện ma túy?
- b) Em rút ra được bài học gì cho bản thân qua tình huống trên?



VẬN DỤNG

1. Em hãy cùng bạn vẽ một bức tranh cổ động về chủ đề phòng, chống tác hại của ma túy để tuyên truyền cho các bạn học sinh nâng cao nhận thức trong việc phòng, chống tệ nạn ma túy.
2. Em hãy thảo luận nhóm và cùng bạn xây dựng một kế hoạch để hưởng ứng Tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày toàn dân phòng chống ma túy tại địa phương nơi em ở.
3. Nếu được đề xuất các hoạt động trong Tuần lễ thanh niên trường học nói không với ma túy, em sẽ ưu tiên đề xuất những hoạt động nào? Vì sao?

Chủ đề 8

Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

Mục tiêu:

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Trị.
- Phân tích được ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường lên đời sống xã hội ở tỉnh Quảng Trị.
- Nêu được một số quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Trình bày được các biện pháp bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Trị.
- Viết được bài hoặc sưu tập được video, bộ sưu tập ảnh để tuyên truyền bảo vệ môi trường ở địa phương.
- Vận dụng được kiến thức bảo vệ môi trường vào thực tiễn bảo vệ môi trường ở địa phương.



MỞ ĐẦU

Tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2001 về việc phê duyệt Đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân” có mục tiêu: Giáo dục học sinh, sinh viên các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân có hiểu biết về pháp luật và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường; có kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện bảo vệ môi trường.

Chủ đề này giới thiệu về môi trường, ô nhiễm môi trường, cơ quan quản lý môi trường địa phương bằng luật pháp bảo vệ môi trường quốc gia và địa phương tỉnh Quảng Trị, thông qua đó giới thiệu khái quát về hiện trạng môi trường và tác động của ô nhiễm môi trường lên con người và sinh vật tại địa phương, trên cơ sở đó, các em học sinh sẽ đi vào luyện tập và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.



KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI NIỆM MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Khái niệm môi trường

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005).

Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

Như vậy, môi trường sống của con người theo nghĩa rộng là tất cả các nhân tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sống, sản xuất của con người như tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, ánh sáng, cảnh quan, quan hệ xã hội,... Theo nghĩa hẹp, môi trường sống của con người chỉ bao gồm các nhân tố tự nhiên và nhân tố xã hội trực tiếp liên quan đến chất lượng cuộc sống của con người.

2. Các chức năng của môi trường

- Là không gian sống của con người và các loài sinh vật.
- Là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết cho đời sống và hoạt động sản xuất của con người.
- Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất của mình.
- Là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên đến con người và sinh vật trên Trái Đất.
- Là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

3. Khái niệm ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

II. VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Văn bản pháp quy cấp quốc gia

Trên phạm vi quốc gia, văn bản pháp quy về quản lý môi trường có rất nhiều, được xây dựng để quản lý theo thành phần môi trường. Ngoài Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dưới Luật còn có một số Nghị định, Thông tư, là cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường.

2. Văn bản pháp quy tại tỉnh Quảng Trị

Cũng như những địa phương khác trong cả nước, trên cơ sở các văn bản pháp quy về quản lý môi trường trên phạm vi quốc gia, tỉnh Quảng Trị cũng đã ban hành nhiều văn bản nhằm mục đích quản lý tốt môi trường địa phương.

3. Cơ quan quản lí môi trường tỉnh Quảng Trị

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trực tiếp quản lí nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Cơ quan tham mưu cho lãnh đạo sở là các đơn vị như sau:

– Đối với cấp tỉnh:

+ Chi cục Bảo vệ môi trường được thành lập năm 2010 trên cơ sở Phòng Quản lí môi trường, thực hiện công tác quản lí nhà nước về môi trường trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh: là lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (cảnh sát môi trường), thành lập vào năm 2007.

+ Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: được thành lập năm 2006, là đơn vị hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

– Đối với cấp huyện có Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lí về môi trường.

Ngoài ra còn có Đội Công an kinh tế – môi trường cấp huyện/ thị: Lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường tại các huyện/ thị do Đội Cảnh sát kinh tế đảm nhiệm, riêng thành phố Đông Hà đã thành lập Đội Cảnh sát môi trường.

– Đối với cấp phường/ xã: Ở cấp phường/ xã, tất cả đều có cán bộ địa chính – môi trường, có nhiệm vụ xây dựng, theo dõi tất cả các hoạt động về lĩnh vực môi trường trên địa bàn phường/ xã.

III. HIỆN TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

Với đặc điểm địa hình chiếm 81% diện tích là đồi núi, 11,5% diện tích là đồng bằng, 7,5% diện tích là bãi cát và cồn cát ven biển, cảnh quan tự nhiên của tỉnh Quảng Trị đang được bảo tồn và phát triển. Nhìn chung, môi trường tỉnh Quảng Trị đang tốt, các chỉ số cảnh báo ô nhiễm đang ở mức cho phép. Môi trường một số nơi chỉ bị ô nhiễm cục bộ ở một số khu vực nhỏ, vào những thời điểm cụ thể.

1. Môi trường nước

Tỉnh Quảng Trị có hệ thống sông suối khá dày đặc, nhiều hồ chứa nước lớn, lượng nước dồi dào. Môi trường nước bao gồm nước sông, nước hồ, nước biển ven bờ và nước ngầm dưới đất.

Mạng lưới sông ngòi tỉnh Quảng Trị với nhiều nhánh suối ở miền núi, đổ về các hệ thống sông lớn và chảy ra biển. Hệ thống sông suối không chịu tác động nhiều của sức ép đô thị và hoạt động công nghiệp nên môi trường nước sông tương đối đảm bảo, đáp ứng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Tuy nhiên, ở hạ lưu các hệ thống sông Thạch Hãn và Bến Hải, chất lượng nước bị suy giảm do nhiễm mặn, chỉ thích hợp cho mục đích nuôi trồng thủy sản.

EM CÓ BIẾT?

Giá trị WQI	Loại	Chất lượng nước	Màu sắc
91 – 100	I	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt và mục đích khác.	Xanh nước biển
76 – 90	II	Sử dụng được cho mục đích sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, có thể sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích khác có yêu cầu tương đương.	Xanh lá cây
51 – 75	III	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu, các mục đích khác tương đương.	Vàng
26 – 50	IV	Sử dụng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích khác có yêu cầu tương đương.	Da cam
0 – 25	V	Nước rất ô nhiễm, không thể sử dụng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.	Đỏ

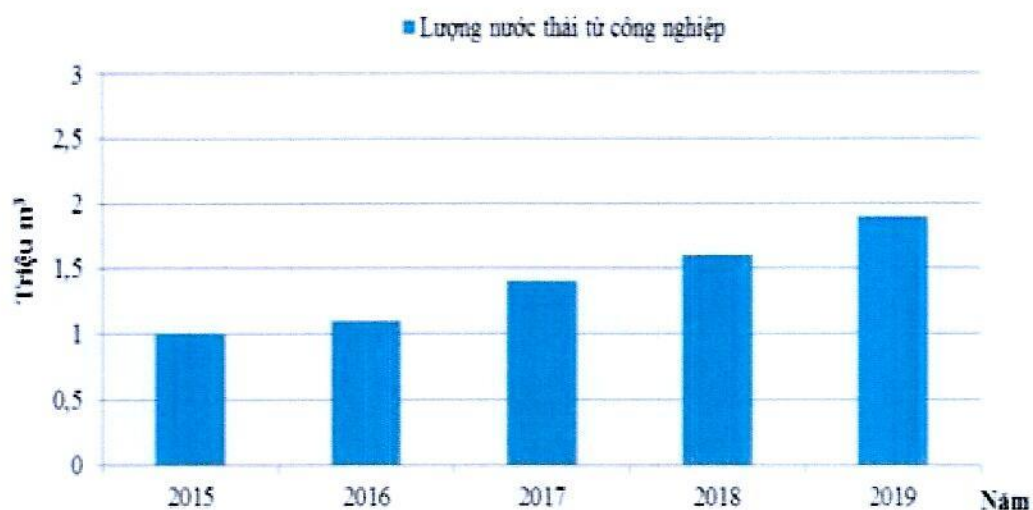
Hệ thống nước hồ tại tỉnh Quảng Trị chỉ phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi. Tuy nhiên, ở khu vực thành thị, do là nơi tiếp nhận trực tiếp nước thải sinh hoạt nên chất lượng nước của một số hồ đang bị suy giảm.



Hình 8.1. Hồ Trung Chỉ (thành phố Đông Hà – hình bên trái) và hồ Đá Mài (huyện Cam Lộ – hình bên phải) thiếu nước

Môi trường nước biển ven bờ: Với đường bờ biển dài 75 km và nhiều cửa sông, chất lượng nước biển ven bờ của tỉnh Quảng Trị có tính ổn định cao.

Nguồn nước dưới đất có trữ lượng rất phong phú, chất lượng nước tốt, tập trung nhiều ở miền núi và dọc theo các dải cát từ Cửa Tùng đến Tân An, Gio Linh, Đông Hà, Cam Lộ và thị xã Quảng Trị. Tuy nhiên, việc sử dụng và bảo quản nước dưới đất ở một số nơi chưa hợp lý: ở một số vùng nuôi tôm trên cát, nguồn nước thường nhiễm khuẩn, nhiễm mặn hoặc chất hữu cơ; nhiều hộ gia đình ở nông thôn có giếng nước gần khu vực chăn nuôi gia súc gia cầm hoặc nhà vệ sinh.



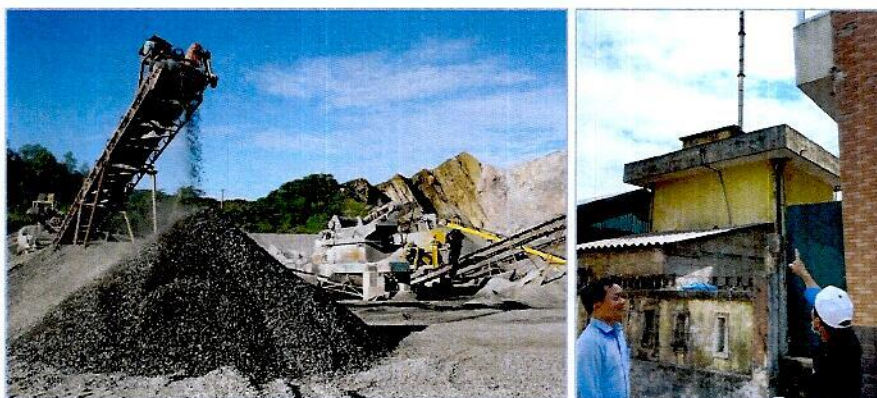
Hình 8.2. Biểu đồ lượng nước thải công nghiệp của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2019

Dựa vào thông tin mục 1 và hình 8.2, hãy:

1. Trình bày hiện trạng ô nhiễm môi trường nước tại tỉnh Quảng Trị.
2. Nhận xét về lượng nước thải công nghiệp của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2019.

2. Môi trường không khí

Hơn 3/4 diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Trị là vùng đồi núi với cảnh quan rừng tự nhiên và rừng đặc dụng; vùng đồng bằng, ven biển chủ yếu hoạt động nông nghiệp, hoạt động công nghiệp, đô thị chưa phát triển mạnh nên môi trường không khí khá trong lành, các chỉ số ô nhiễm đang ở mức an toàn. Ô nhiễm do bụi lơ lửng và tiếng ồn chỉ xảy ra cục bộ trên một số tuyến giao thông chính, vào những thời điểm nhất định trong ngày. Bên cạnh đó, với dự báo gia tăng dân số, việc mở rộng và phát triển đô thị cùng với việc chậm di dời các cơ sở gây ô nhiễm nhỏ lẻ trong khu dân cư sẽ gây ra những áp lực lên môi trường không khí trong tương lai.



Hình 8.3. Khói bụi tại Công ty Thiên Tân (huyện Cam Lộ – hình bên trái) và lò đốt chất thải y tế tại Bệnh viện Triệu Phong (hình bên phải) (năm 2019)

3. Môi trường đất

Đặc điểm đất tự nhiên tại tỉnh Quảng Trị đa số là đồi núi với các loại đất chủ yếu như: đất phù sa, đất xám, đất đen, đất đỏ trên đá badan, đất đỏ vàng,... rất thuận lợi cho sản xuất nông, lâm nghiệp. Diện tích đất đang bị ô nhiễm chỉ xảy ra cục bộ ở một số nơi, nguyên nhân chính là do đất thoái hoá vì khô hạn, ngập úng, nhiễm mặn, nhiễm phèn, đất canh tác nông nghiệp và bạc màu.

Đất nhiễm mặn có diện tích khoảng 1 500 ha, chiếm 0,3% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong. Đất nhiễm phèn có diện tích khoảng 418 ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn. Đất bạc màu hình thành do xói mòn, rửa trôi bề mặt có diện tích 47 ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên, tập trung ở các huyện Hải Lăng, Cam Lộ, Triệu Phong.

Tuy nhiên, diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều ở vùng cồn cát, đất chua mặn ven biển và hạ lưu các sông, đất đồi núi bị địa hình chia cắt có tầng mỏng, nhiều vùng đất bị kết vón đá ong,...

Bảng 8.1. Diện tích đất theo mục đích sử dụng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2019

TT	Mục đích sử dụng	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	387 202	81,73	387 908	81,88	388 042	81,91	388 353	81,98	406 977	86,57
2	Đất phi nông nghiệp	40 463	8,54	40 545	8,56	40 886	8,63	41 306	8,72	42 868	9,12
3	Đất chưa sử dụng	46 079	9,73	45 291	9,56	44 816	9,46	44 085	9,31	20 280	4,31

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị)

Dựa vào thông tin mục 3 và bảng 8.1, hãy:

1. Trình bày tình hình ô nhiễm môi trường đất tại tỉnh Quảng Trị.
2. Nhận xét sự biến động của các loại đất ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2019.

4. Chất thải rắn (rác thải)

Chất thải rắn bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và sự thay đổi trong đời sống hằng ngày, tốc độ gia tăng dân số và đô thị hoá nhanh chóng đã làm gia tăng lượng rác thải.

Các nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: hộ gia đình; khu thương mại, dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, siêu thị, chợ,...); công sở (cơ quan, trường học, trung tâm, bệnh viện,...); khu vực công cộng (nhà ga, bến xe, công viên, khu vui chơi giải trí, đường phố,...); dịch vụ vệ sinh (quét đường, cắt tỉa cây xanh,...); các hoạt động sinh hoạt của cơ sở sản xuất.

Bảng 8.2. Lượng chất thải rắn đô thị tại tỉnh Quảng Trị năm 2019

TT	Địa phương	Lượng chất thải rắn thu gom (tấn)	Tỉ lệ thu gom (%)
1	Huyện Hải Lăng	6 725	98,73
2	Thị xã Quảng Trị	8 428	94
3	Huyện Triệu Phong	6 335	90
4	Thành phố Đông Hà	26 462	96
5	Huyện Gio Linh	13 870	95
6	Huyện Vĩnh Linh	17 376	96
7	Huyện Cam Lộ	8 090	92
8	Huyện Đakrông	924	95
9	Huyện Hướng Hoá	16 679	90
Tổng		104 889	94,08

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị)

Nhìn chung, công tác quản lí các loại chất thải rắn trên được chính quyền và người dân quan tâm trong việc thu gom, vận chuyển và xử lí. Tuy nhiên, tình trạng chất thải không rõ nguồn gốc, rác thải tại các khu vực thấp trũng, bãi đất trống,... ở một số khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa vẫn chưa được xử lí triệt để. Nguyên nhân là do thiếu quy hoạch, công nghệ xử lí còn lạc hậu và ý thức của một số người dân chưa cao.

Lấy ví dụ minh họa về tình trạng ô nhiễm chất thải rắn tại địa phương nơi em đang sinh sống.

IV. TÁC ĐỘNG CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẾN ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ GIẢI PHÁP

1. Tác động của ô nhiễm môi trường đến đời sống xã hội

Ô nhiễm môi trường gây ra những thiệt hại cho đời sống xã hội. Khí thải không qua xử lí ở các cơ sở công nghiệp, các làng nghề ở nông thôn gây hại đến sức khỏe, cây trồng và làm thiệt hại về kinh tế. Ô nhiễm khói bụi, tiếng ồn tác động không nhỏ đến việc phát triển du lịch.



Hình 8.4. Cá chết do ô nhiễm tại hồ Nước Chè (huyện Hải Lăng) năm 2022

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn cũng gây ra những thiệt hại cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và du lịch.



Hình 8.5. Lũ lụt tại huyện Cam Lộ tháng 11 năm 2016

Dựa vào thông tin mục 1 và các hình 8.4, 8.5, hãy:

1. Cho biết ô nhiễm môi trường đã tác động như thế nào đến đời sống xã hội.
2. Lấy ví dụ cụ thể để chứng minh tác động của ô nhiễm môi trường lên một lĩnh vực của đời sống xã hội mà em biết.

2. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Trị

– Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong nhà trường, khu dân cư, trong cộng đồng dân cư. Xây dựng và thực hiện tốt các hương ước, quy ước, cam kết bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư.

EM CÓ BIẾT?

Trong nhiều năm qua, các địa phương đã hình thành nhiều mô hình như: Tổ Phụ nữ thu gom rác thải tự quản; Tỉnh Đoàn Quảng Trị đã thành lập các đội xung kích, tình nguyện, tự quản bảo vệ môi trường tại các thôn bản; Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng các câu lạc bộ bảo vệ môi trường tại địa phương, mỗi câu lạc bộ được trang bị, cung cấp xe thu gom rác, các hội viên tự nguyện đóng kinh phí để duy trì hoạt động. Hội Cựu chiến binh tỉnh đã thành lập các đội tự quản vệ sinh môi trường ở các làng, bản, thị trấn. Liên đoàn lao động tỉnh đã phát triển tốt phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”.

– Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế pháp lý về môi trường. Không ngừng nghiên cứu, phát minh, phát kiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

– Thực hiện các chương trình phục hồi và phát triển rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc ở trung du, miền núi. Trồng nhiều cây xanh ở khu vực đồng bằng, thành thị và vùng ven biển.

– Hợp tác với các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường như: Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Thực hiện dự án “Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học Tiểu vùng Mê Công mở rộng giai đoạn 2 tỉnh Quảng Trị”

(BCC), dự án “Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rừng bền vững cảnh quan Trung Trường Sơn Việt Nam” (BCC-GEF),... nhằm vận động nguồn hỗ trợ trong việc bảo vệ môi trường.

Em cần làm gì để giữ gìn cảnh quan khuôn viên trường em luôn xanh – sạch – đẹp?



LUYỆN TẬP

- Dưới đây là các hình ảnh thể hiện tình trạng ô nhiễm môi trường. Bằng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, hãy giải thích nguyên nhân gây nên những tình trạng đó.



Hình 8.6. Cá chết ở hồ chứa nước Đại An, thành phố Đông Hà ngày 7 – 11 – 2019



Hình 8.7. Thực trạng quá tải các bãi rác thải sinh hoạt

- Ghép thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đời sống và sức khỏe con người.

A

Ô nhiễm
môi trường
đất

Ô nhiễm
môi trường
nước

Ô nhiễm
môi trường
không khí

B

a) Gây biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu.

b) Huỷ diệt các sinh vật sống trong nước.

c) Thiếu đất để canh tác nông nghiệp, xây nhà dựng cửa.

d) Làm ảnh hưởng đến tầm nhìn khi tham gia giao thông.

e) Ô nhiễm kim loại nặng trong đất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ em.

g) Làm thực vật trồng trên đất dễ bị nhiễm bệnh.

h) Ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản.

i) Bụi trong không khí bị ô nhiễm gây ra các bệnh về hô hấp, mắt, da và đường máu.

k) Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm để nấu ăn hoặc uống sẽ gây ra các bệnh về tiêu hoá, thậm chí cả ung thư.



VẬN DỤNG

1. Để bảo vệ môi trường ở địa phương, theo em, trong các hoạt động sau đây, hoạt động nào nên được khuyến khích, hoạt động nào nên bị nghiêm cấm.

TT	Hoạt động ^(*)	Nên được khuyến khích	Nên bị nghiêm cấm
1	Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp có tính huỷ diệt	?	?
2	Khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm	?	?
3	Che giấu hành vi huỷ hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường	?	?
4	Vận chuyển, chôn lấp chất độc, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kĩ thuật về bảo vệ môi trường	?	?
5	Thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải	?	?
6	Xây dựng thôn, làng, bản, khu dân cư thân thiện với môi trường	?	?
7	Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí	?	?
8	Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xoá bỏ hủ tục gây hại đến môi trường	?	?
9	Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kĩ thuật môi trường	?	?
10	Xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	?	?
11	Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường	?	?
12	Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên	?	?

(*) Nguồn: <https://moitruong.com.vn/quy-dinh-phap-luat/12-hoat-dong-bao-ve-moi-truong-duoc-khuyen-khich-14501.htm>

2. Trong số các việc làm sau, hãy lựa chọn và thực hiện những việc phù hợp với bản thân để bảo vệ môi trường nơi em sống và học tập.

- a) Vệ sinh nhà trường, lớp học.
- b) Sử dụng tiết kiệm điện.
- c) Sử dụng tiết kiệm nước.
- d) Trồng và chăm sóc cây xanh.
- e) Tuyên truyền về tác hại của ô nhiễm môi trường.
- g) Giảm sử dụng túi ni lông, chai nhựa.
- h) Thu gom, phân loại, xử lý rác thải.
- i) Tái chế rác thải.
- k) Tham gia vẽ tranh về bảo vệ môi trường.
- l) sưu tầm tranh, ảnh, phim để giới thiệu cho bạn bè về bảo vệ môi trường.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Quần cư	Theo nghĩa hẹp, quần cư là một dạng phân bố của con người tại các vùng địa lí khác nhau. Theo nghĩa rộng, quần cư là từ dùng để chỉ một loại hình thức phân bố dân cư, động thực vật trên bề mặt Trái Đất. Trong quần cư bao gồm cả các điều kiện giúp sinh vật sinh tồn và phát triển thuận lợi.	6
Trấn thủ	Giữ gìn một địa phương	11
Hộ giá	Đi theo để bảo vệ vua	18

NGUỒN TRANH, ẢNH SỬ DỤNG

Tranh, ảnh	Tác giả/Nguồn
Các hình: 1.2, 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 5.1a, 5.1b, 5.1c, 5.1d, 5.1e, 5.1g, 5.1h, 5.1i, 5.1j, 5.1k, 5.1l, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.7, 5.8, 5.9, 5.10, 5.11, 5.12, 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6, 6.7, 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11a, 7.11b, 7.12, 8.1a, 8.1b, 8.3a, 8.3b, 8.4a, 8.4b, 8.4c	Trịnh Hoàng Tân
Hình 2.4	Ảnh: Thanh Bình, https://trungtamquanlyditichvabaotangquangtri.vn/
Hình 3.3	https://tapchicuaviet.com.vn
Các hình: 3.1, 3.2	https://giadinh.suckhoedoisong.vn
Hình 8.5	https://www.quangtri.gov.vn/
Hình 8.6	https://baotainguyenmoitruong.vn
Hình 8.7	https://moitruong.com.vn

